

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sinh viên : Trần Mạnh Hậu

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đỗ Thị Bích Ngọc

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẢI
THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HIẾU TRUNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.**

**Sinh viên : Trần Mạnh Hậu
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đỗ Thị Bích Ngọc**

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Mạnh Hậu

Mã SV: 1354020049

Lớp: QT1301N

Ngành: Quản Trị Doanh Nghiệp

Tên đề tài: Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Cơ sở lý luận chung về tài chính và phân tích tài chính doanh nghiệp.

Thực trạng tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Đề xuất biện pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Bảng cân đối kế toán năm 2011, 2012 của công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011, 2012 của Công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đỗ Thị Bích Ngọc

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Trần Mạnh Hậu

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đỗ Thị Bích Ngọc

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Phần I: Cơ sở lý luận chung về tài chính và phân tích tài chính doanh nghiệp.	3
1.1. Cơ sở lý luận về phân tích tài chính.....	3
1.1.1. Khái niệm, đối tượng của phân tích tài chính.....	3
1.1.1.1. Khái niệm.....	3
1.1.1.2. Đối tượng của phân tích tài chính.....	3
1.1.2. Mục đích và ý nghĩa của phân tích tài chính.	5
1.1.2.1. Đối với nhà quản trị.	5
1.1.2.2. Đối với người cho vay.	5
1.1.2.3. Đối với người đầu tư.....	5
1.2. Phương pháp phân tích tài chính.	6
1.2.1. Các bước trong quá trình tiến hành phân tích tài chính.....	6
1.2.1.1. Thu thập thông tin.....	6
1.2.1.2. Xử lý thông tin.	6
1.2.1.3. Dự đoán và ra quyết định.....	6
1.2.1.4. Các thông tin cơ sở để phân tích hoạt động tài chính.....	7
1.2.2. Phương pháp phân tích tài chính.	7
1.2.2.1. Phương pháp so sánh.	7
1.2.2.2. Phương pháp tỷ lệ.	10
1.2.2.3. Phương pháp Dupont.	10
1.3. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính.....	11
1.3.1. Phân tích tình hình tài chính qua bảng cân đối kế toán.	11
1.3.2. Phân tích tình hình tài chính qua báo cáo kết quả kinh doanh.	12

1.3.3.	Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính.	13
1.3.3.1.	Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán.	13
1.3.3.2.	Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính.	15
1.3.3.3.	Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động.	17
1.3.3.4.	Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời.	20
1.3.4.	Phân tích Dupont.....	22
Phần II: Phân tích thực trạng tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.....		25
2.1.	Những nét khái quát chung về công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.....	25
2.1.1.	Giới thiệu chung về công ty.....	25
2.1.2.	Quá trình hình thành và phát triển.	25
2.1.3.	Chức năng và nhiệm vụ của công ty.....	26
2.1.3.1.	Chức năng.	26
2.1.3.2.	Nhiệm vụ.	27
2.1.4.	Cơ cấu tổ chức.....	27
2.1.4.1.	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty.....	27
2.1.4.2.	Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.....	29
2.1.5.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.	31
2.1.6.	Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.	31
2.1.6.1.	Thuận lợi.	32
2.1.6.2.	Khó khăn.	32
2.2.	Phân tích thực trạng tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.	33
2.2.1.	Phân tích tình hình tài chính qua bảng cân đối kế toán.	33

2.2.1.1. Phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều ngang.	33
2.2.1.2. Phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều dọc.	39
2.2.2. Phân tích tình hình tài chính qua báo cáo kết quả kinh doanh.	43
2.2.2.1. Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang.	43
2.2.2.2. Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều dọc.	46
2.2.3. Phân tích tài chính thông qua các nhóm chỉ tiêu tài chính.	47
2.2.3.1. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán.	47
2.2.3.2. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư.	50
2.2.3.3. Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động.	52
2.2.3.4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời.	55
2.2.4. Phương trình Dupont.	56
2.2.4.1. Đẳng thức thứ nhất.	56
2.2.4.2. Đẳng thức thứ hai.	57
2.2.4.3. Phương trình Dupont tổng hợp.	58
2.3. Nhận xét và đánh giá tổng quát về tình hình tài chính công ty.	60
Chương III: Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty CPTM Hiếu Trung.	63
3.1. Mục tiêu phát triển công ty trong thời gian tới.	63
3.2. Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.	64
3.2.1. Giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý.	64
3.2.1.1. Cơ sở của biện pháp.	64
3.2.1.2. Nội dung của biện pháp.	66
3.2.1.3. Đánh giá kết quả.	67

3.2.2. Biện pháp nâng cao doanh thu.....	69
3.2.2.1. Cơ sở của biện pháp.....	69
3.2.2.2. Nội dung của biện pháp.	71
3.2.2.3. Đánh giá kết quả.	73
KẾT LUẬN.....	75

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế Việt Nam đang dần hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Cùng với đó, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp cũng được mở rộng, sự cạnh tranh cũng ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Điều này vừa tạo ra cơ hội kinh doanh, đồng thời cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ đe dọa sự phát triển của các doanh nghiệp.

Quản trị tài chính là một bộ phận quan trọng của quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động kinh doanh đều ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, ngược lại tình hình tài chính tốt hay xấu lại có tác động thúc đẩy hay kìm hãm quá trình kinh doanh. Do đó, để phục vụ cho công tác quản lý hoạt động kinh doanh có hiệu quả các nhà quản trị cần thường xuyên tổ chức phân tích tình hình tài chính cho tương lai. Bởi vì thông qua việc tính toán, phân tích tài chính sẽ cho ta biết những điểm mạnh và yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tiềm năng cần phát huy và những nhược điểm cần khắc phục. Qua đó các nhà quản lý tài chính có thể xác định được nguyên nhân gây ra và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị mình trong thời gian tới.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích tình hình tài chính đối với sự phát triển của doanh nghiệp, kết hợp với kiến thức lý luận đã được học tại trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng cùng với quá trình tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung, cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn Th.s Đỗ Thị Bích Ngọc, em đã lựa chọn đề tài “Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung” làm chuyên đề khóa luận tốt nghiệp.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Đề tài nghiên cứu gồm 3 phần:

Chương I: Cơ sở lý luận chung về tài chính và phân tích tài chính doanh nghiệp.

Chương II: Phân tích thực trạng tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Chương III: Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Vì thời gian nghiên cứu làm khóa luận có hạn, cùng với kiến thức còn hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em kính mong nhận được sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến của thầy, cô giáo để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Trần Mạnh Hậu

Phần I: Cơ sở lý luận chung về tài chính và phân tích tài chính doanh nghiệp.

1.1. Cơ sở lý luận về phân tích tài chính.

1.1.1. Khái niệm, đối tượng của phân tích tài chính.

1.1.1.1. Khái niệm.

Phân tích tài chính là một tập hợp các khái niệm, phương pháp, công cụ theo một hệ thống nhất định cho phép thu thập và xử lý các thông tin kế toán cũng như các thông tin khác trong quản lý doanh nghiệp nhằm đưa ra đánh giá chính xác, đúng đắn về tình hình tài chính, khả năng và tiềm lực của doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý kiểm soát tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cũng như dự đoán trước những rủi ro có thể xảy ra trong tương lai để đưa ra các quyết định xử lý phù hợp tùy theo mục tiêu theo đuổi.

1.1.1.2. Đối tượng của phân tích tài chính.

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần có các hoạt động trao đổi điều kiện và kết quả sản xuất thông qua những công cụ tài chính và vật chất. Chính vì vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải tham gia vào các mối quan hệ tài chính đa dạng và phức tạp. Các quan hệ tài chính đó có thể chia thành các nhóm chủ yếu sau:

Thứ nhất: Quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp với Nhà nước. Quan hệ này biểu hiện trong quá trình phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân giữa ngân sách Nhà nước với các doanh nghiệp thông qua các hình thức:

- Doanh nghiệp nộp các loại thuế vào ngân sách theo luật định.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

- Nhà nước cấp vốn kinh doanh cho các doanh nghiệp (DNNN) hoặc tham gia với tư cách người góp vốn (Trong các doanh nghiệp sở hữu hỗn hợp).

Thứ hai: Quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp với thị trường tài chính và các tổ chức tài chính. Thể hiện cụ thể trong việc huy động các nguồn vốn dài hạn và ngắn hạn cho nhu cầu kinh doanh:

- Trên thị trường tiền tệ đề cập đến việc doanh nghiệp quan hệ với các ngân hàng, vay các khoản ngắn hạn, trả lãi và gốc khi đến hạn.

- Trên thị trường tài chính, doanh nghiệp huy động các nguồn vốn dài hạn bằng cách phát hành các loại chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) cũng như việc trả các khoản lãi, hoặc doanh nghiệp gửi các khoản vốn nhàn rỗi vào ngân hàng hay mua chứng khoán của các doanh nghiệp khác.

Thứ ba: Quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp với các thị trường khác huy động các yếu tố đầu vào và các quan hệ để thực hiện tiêu thụ sản phẩm ở thị trường đầu ra (Với các đại lý, các cơ quan xuất nhập khẩu, thương mại...)

Thứ tư: Quan hệ tài chính phát sinh trong nội bộ doanh nghiệp. Đó là các khía cạnh tài chính liên quan đến vấn đề phân phối thu nhập và chính sách tài chính của doanh nghiệp như vấn đề cơ cấu tài chính, chính sách tái đầu tư, chính sách lợi tức cổ phần, sử dụng ngân quỹ nội bộ doanh nghiệp.

Như vậy, đối tượng của phân tích tài chính, về thực chất là các mối quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình hình thành, phát triển và biến đổi vốn dưới các hình thức có liên quan trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2. Mục đích và ý nghĩa của phân tích tài chính.

1.1.2.1. Đối với nhà quản trị.

Đối với chủ doanh nghiệp và các nhà quản trị doanh nghiệp, mối quan tâm hàng đầu của họ là tìm kiếm lợi nhuận và khả năng trả nợ. Ngoài ra, các nhà quản trị doanh nghiệp còn quan tâm đến mục tiêu khác như tạo công ăn việc làm, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng doanh thu, giảm chi phí... Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ có thể thực hiện các mục tiêu này nếu họ kinh doanh có lãi và thanh toán được nợ. Một doanh nghiệp bị lỗ liên tục rút cục sẽ bị cạn kiệt các nguồn lực và buộc phải đóng cửa, còn nếu doanh nghiệp không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trả cũng buộc phải ngừng hoạt động.

1.1.2.2. Đối với người cho vay.

Đối với các chủ ngân hàng và các nhà cho vay tín dụng, mối quan tâm của họ hướng chủ yếu vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Vì vậy họ đặc biệt chú ý đến số lượng tiền và các tài sản khác có thể chuyển đổi thành tiền nhanh, từ đó so sánh với số nợ ngắn hạn để biết được khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, họ cũng rất quan tâm đến số lượng vốn chủ sở hữu vì đó là khoản bảo hiểm cho họ trong trường hợp doanh nghiệp gặp rủi ro.

1.1.2.3. Đối với người đầu tư.

Đối các nhà đầu tư, họ quan tâm đến lợi nhuận bình quân vốn của công ty, vòng quay vốn, khả năng phát triển của doanh nghiệp... Từ đó ảnh hưởng tới các quyết định tiếp tục đầu tư và công ty trong tương lai.

Bên cạnh những nhóm người trên, các cơ quan tài chính, cơ quan thuế, nhà cung cấp, người lao động... cũng rất quan tâm đến bức tranh tài chính của doanh nghiệp với những mục tiêu cơ bản giống như các chủ ngân hàng, chủ doanh nghiệp và nhà đầu tư.

1.2. Phương pháp phân tích tài chính.

1.2.1. Các bước trong quá trình tiến hành phân tích tài chính.

1.2.1.1. Thu thập thông tin.

Phân tích hoạt động tài chính sử dụng mọi nguồn thông tin có khả năng lý giải và thuyết minh thực trạng hoạt động tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ cho quá trình dự đoán, đánh giá, lập kế hoạch. Nó bao gồm những thông tin nội bộ đến những thông tin bên ngoài, những thông tin kế toán và thông tin quản lý khác, những thông tin về số lượng và giá trị... Trong đó các thông tin kế toán là quan trọng nhất, được phản ánh tập trung trong các báo cáo tài chính doanh nghiệp, đó là những nguồn thông tin đặc biệt quan trọng. Do vậy, phân tích hoạt động tài chính trên thực tế là phân tích các báo cáo tài chính doanh nghiệp.

1.2.1.2. Xử lý thông tin.

Giai đoạn tiếp theo của phân tích hoạt động tài chính là quá trình xử lý thông tin đã thu thập. Trong giai đoạn này, người sử dụng thông tin ở các góc độ nghiên cứu, ứng dụng khác nhau phục vụ mục tiêu phân tích đã đặt ra. Xử lý thông tin là quá trình sắp xếp các thông tin theo những mục tiêu nhất định nhằm tính toán, so sánh, giải thích, đánh giá, xác định nguyên nhân của các kết quả đã đạt được nhằm phục vụ cho quá trình dự đoán và quyết định.

1.2.1.3. Dự đoán và ra quyết định.

Thu thập và xử lý thông tin nhằm chuẩn bị những tiền đề và điều kiện cần thiết để người sử dụng thông tin dự đoán nhu cầu và đưa ra các quyết định hoạt động kinh doanh. Đối với chủ doanh nghiệp, phân tích hoạt động tài chính nhằm đưa ra các quyết định liên quan tới mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp là tăng trưởng, phát triển, tối đa hoá lợi nhuận, tối đa hoá doanh thu. Đối với cho vay và đầu tư vào doanh nghiệp thì đưa ra các quyết định về tài

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

trợ đầu tư, đối với cấp trên của doanh nghiệp thì đưa ra các quyết định quản lý doanh nghiệp.

1.2.1.4. Các thông tin cơ sở để phân tích hoạt động tài chính.

Các thông tin cơ sở được dùng để phân tích hoạt động Tài chính trong các doanh nghiệp nói chung là các báo cáo tài chính, bao gồm:

Bảng cân đối kế toán: Là một báo cáo tài chính, mô tả tình trạng tài chính của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định nào đó. Nó được thành lập từ 2 phần: Tài sản và nguồn vốn.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Là một báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh một cách tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh trong một niên độ kế toán, dưới hình thái tiền tệ. Nội dung của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có thể thay đổi nhưng phải phản ánh được 4 nội dung cơ bản là: doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi, lỗ. Số liệu trong báo cáo này cung cấp những thông tin tổng hợp nhất về phương thức kinh doanh của doanh nghiệp trong thời kỳ và chỉ ra rằng, các hoạt động kinh doanh đó đem lại lợi nhuận hay lỗ vốn, đồng thời nó còn phản ánh tình hình sử dụng các tiềm năng về vốn, lao động, kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2. Phương pháp phân tích tài chính.

1.2.2.1. Phương pháp so sánh.

Đây là phương pháp chủ yếu được dùng khi phân tích tình hình tài chính. Phương pháp so sánh là phương pháp xem xét một chỉ tiêu phân tích bằng cách dựa trên việc so sánh một chỉ tiêu gốc.

- So sánh giữa số thực hiện kỳ này với số thực hiện kỳ trước để thấy rõ xu hướng thay đổi về tài chính của doanh nghiệp, thấy được tình hình tài

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

chính được cải thiện hay xấu đi như thế nào để có biện pháp khắc phục trong kỳ tới.

- So sánh giữa số thực hiện với số kế hoạch để thấy rõ mức độ phần đầu của doanh nghiệp.
- So sánh giữa số thực hiện kỳ này với mức trung bình của ngành để thấy tình hình tài chính doanh nghiệp đang ở trong tình trạng tốt hay xấu, được hay chưa được so với doanh nghiệp cùng ngành.
- So sánh theo chiều dọc để thấy được tỷ trọng của từng tổng số ở mỗi bản báo cáo và qua đó chỉ ra ý nghĩa tương đối của các loại các mục, tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh.
- So sánh theo chiều ngang để thấy được sự biến động cả về số tuyệt đối và số tương đối của một khoản mục nào đó qua các niên độ kế toán liên tiếp.

Khi sử dụng phương pháp so sánh phải tôn trọng 3 nguyên tắc sau:

❖ **Lựa chọn tiêu chuẩn so sánh:** tiêu chuẩn so sánh là các tiêu chí được lựa chọn làm căn cứ so sánh, được gọi là gốc so sánh. Tùy theo mục đích nghiên cứu mà lựa chọn gốc so sánh thích hợp, gốc so sánh có thể là:

- Tài liệu năm trước (kỳ trước) nhằm đánh giá xu hướng phát triển của các chỉ tiêu.
- Các mục tiêu đã dự kiến (kế hoạch, dự toán, định mức) nhằm đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch, dự toán, định mức.
- Các chỉ tiêu trung bình của ngành nhằm đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp so với các đơn vị khác trong ngành.

Các chỉ tiêu của kỳ được so sánh với kỳ gốc (gốc so sánh) được gọi là chỉ tiêu kỳ thực hiện và là kết quả doanh nghiệp đạt được.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

❖ **Điều kiện so sánh:**

- Điều kiện một: Phải xác định rõ “gốc so sánh” và “kỳ phân tích”.
- Điều kiện hai: Các chỉ tiêu so sánh phải đảm bảo tính chất có thể so sánh được với nhau. Muốn vậy, chúng phải thống nhất với nhau về nội dung kinh tế, về phương pháp tính toán, thời gian tính toán.

❖ **Kỹ thuật so sánh:**

- So sánh bằng số tuyệt đối: Phản ánh tổng hợp số lượng, quy mô của các chỉ tiêu kinh tế, là căn cứ để tính các số khác.

$$Y = Y_1 - Y_0$$

Y: Trị số so sánh.

Y_1 : Trị số phân tích.

Y_0 : Trị số gốc

- So sánh bằng số tương đối: là trị số nói lên kết cấu mối quan hệ tốc độ phát triển và mức độ phổ biến của các chỉ tiêu kinh tế. Số tương đối có nhiều mức tùy thuộc vào nội dung phân tích mà sử dụng cho thích hợp.

- Số tương đối kế hoạch: phản ánh bằng tỷ lệ % là chỉ tiêu mức độ mà doanh nghiệp cần phải thực hiện.

- Số tương đối phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch: có hai cách thức:

Tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành kế hoạch, được xác định bằng:

$$\frac{\text{Chỉ tiêu thực hiện}}{\text{Chỉ tiêu kế hoạch}} \times 100\%$$

Tính theo hệ số tính chuyên:

Số tăng (+), giảm (-) tương đối = chỉ tiêu thực hiện – (chỉ tiêu kế hoạch x hệ số tính chuyên)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

- So sánh bằng số bình quân: Số bình quân là biểu hiện đặc trưng chung về mặt số lượng, san bằng mọi chênh lệch giữa các chỉ số của đơn vị để phản ánh đặc điểm tình hình của bộ phận hay tổng thể hiện có cùng tính chất, qua so sánh số bình quân, đánh giá tình hình biến động chung về mặt số lượng, chất lượng, phương hướng phát triển và vị trí giữa các doanh nghiệp. Khi sử dụng so sánh bằng số bình quân phải chú ý đến tính chặt chẽ của số.

1.2.2.2. Phương pháp tỷ lệ.

Phương pháp này dựa trên các ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính, là phương pháp có tính hiện thực cao với các điều kiện được áp dụng ngày càng được bổ sung và hoàn thiện hơn. Ví:

- Nguồn thông tin kế toán và tài chính được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn là cơ sở để hình thành những tham chiếu tin cậy nhằm đánh giá một tỷ lệ của một doanh nghiệp hay một nhóm doanh nghiệp.
- Việc áp dụng tin học cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy nhanh quá trình tính toán hàng loạt các tỷ lệ.
- Phương pháp này giúp các nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu và phân tích một cách hệ thống hàng loạt tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục hoặc theo từng giai đoạn.

1.2.2.3. Phương pháp Dupont.

Phương pháp Dupont là kỹ thuật phân tích bằng cách tách chỉ tỷ số ROA và ROE thành những bộ phận có liên hệ với nhau để đánh giá tác động của từng bộ phận lên kết quả sau cùng. Với phương pháp này các nhà phân tích sẽ nhận biết được các nguyên nhân dẫn đến các hiện tượng tốt xấu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và ra quyết định cải thiện tình hình tài chính của công ty bằng cách nào.

1.3. Tình hình tài chính và các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính.

1.3.1. Phân tích tình hình tài chính qua bảng cân đối kế toán.

Bảng cân đối kế toán là một báo cáo tài chính chủ yếu phản ánh tổng quát tình hình tài sản của doanh nghiệp theo giá trị sổ sách của tài sản và nguồn hình thành tài sản tại thời điểm cuối năm.

❖ Phân tích cơ cấu tài sản

Bất kỳ một doanh nghiệp nào đều cần phải có tài sản, bao gồm tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn. Việc đảm bảo và phân bổ tài sản cho đầy đủ và hợp lý đều cốt yếu tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh một cách liên tục và có hiệu quả.

Từ bảng phân tích cơ cấu tài sản ta có thể nhận thấy sự biến động tăng hay giảm của tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn cả về số lượng tương đối lẫn số tuyệt đối. Đối với tài sản ngắn hạn ta có thể nhận xét một cách tổng quát nhất về tình hình biến động của khoản tiền mặt tại quỹ, phương thức thanh toán tiền hàng, nguồn cung cấp và dự trữ vật tư của doanh nghiệp và các khoản vốn ngắn hạn khác... Đối với tài sản dài hạn, thông qua bảng phân tích này có thể đánh giá về hiệu quả sử dụng tài sản cố định của công ty và tình hình trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật như máy móc, thiết bị cho doanh nghiệp...

Bảng phân tích cơ cấu tài sản còn cho biết tỷ lệ từng khoản vốn chiếm trong tổng tài sản và việc bố trí cơ cấu tài sản của doanh nghiệp như thế nào.

❖ Phân tích cơ cấu nguồn vốn

Ngoài việc xem xét tình hình phân bổ vốn, các chủ doanh nghiệp, các chủ đầu tư và các đối tượng quan tâm khác cần phân tích cơ cấu nguồn vốn nhằm đánh giá được khả năng tự tài trợ về mặt tài chính của doanh nghiệp cũng như tự chủ, chủ động trong kinh doanh hay những khó khăn mà doanh nghiệp phải đương đầu. Điều đó được thể hiện qua việc xác định tỷ suất tự tài

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

trợ, tỷ suất này càng cao càng thể hiện khả năng độc lập cao về mặt tài chính hay mức độ tự tài trợ của doanh nghiệp càng tốt.

Qua phân tích kết cấu nguồn vốn ngoài việc phản ánh tỷ lệ vốn theo từng đối tượng góp vốn, còn có ý nghĩa phản ánh tỷ lệ rủi ro mà chủ nợ phải chịu nếu doanh nghiệp thất bại. Tuy nhiên, việc phân tích trên mới chỉ dừng lại ở mức độ đánh giá khái quát, để kết luận chính xác cần phải đi sâu phân tích một số chỉ tiêu chủ yếu liên quan đến tình hình tài chính.

1.3.2. Phân tích tình hình tài chính qua báo cáo kết quả kinh doanh.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một bản báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh theo từng loại hoạt động của doanh nghiệp. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải phản ánh được 4 nội dung cơ bản: Doanh thu; Giá vốn hàng bán; chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp; Lãi, lỗ. Và được phản ánh qua đẳng thức sau:

$$\text{Lãi (Lỗ)} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí hoạt động kinh doanh}.$$

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp không chỉ tiến hành một hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn tham gia vào nhiều loại hình hoạt động đa dạng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho mình. Chính vì vậy, lợi nhuận từ các hoạt động thu về khi tổng hợp thành lợi nhuận của doanh nghiệp cần phải được tiến hành phân tích và đánh giá khái quát giữa doanh thu, chi phí và kết quả trong mối quan hệ chung trong tổng số các mặt hoạt động.

Qua phân tích trên ta có thể rút ra nhận xét về tình hình doanh thu do các hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại tương ứng với các chi phí bỏ ra. Từ đó cho thấy tỷ trọng kết quả của từng loại hoạt động trong tổng số hoạt động mà doanh nghiệp tham gia.

1.3.3. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính.

1.3.3.1. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán.

❖ Hệ số thanh toán tổng quát.

Hệ số này thể hiện mối quan hệ tương đối giữa tổng tài sản mà doanh nghiệp hiện đang quản lý, sử dụng với tổng nợ phải trả của doanh nghiệp có mấy đồng giá trị tài sản để đảm bảo.

$$\text{Hệ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ}}$$

Nếu hệ số thanh toán tổng quát lớn hơn 1 thì chứng tỏ khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp là tốt. Song nếu con số này lớn hơn 1 quá nhiều thì lại không tốt, vì điều đó chứng tỏ doanh nghiệp chưa tận dụng được cơ hội chiếm dụng.

Hệ số thanh toán tổng quát bằng 3 là hợp lý nhất.

Hệ số thanh toán tổng quát nhỏ hơn 1 và tiến đến 0 thì nó báo hiệu sự phá sản của doanh nghiệp. Vốn chủ của doanh nghiệp đang giảm và mất dần, tổng tài sản hiện có của doanh nghiệp không đủ trả nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán.

❖ Hệ số thanh toán nhanh.

Hệ số này thể hiện mối quan hệ giữa tài sản có khả năng thanh toán nhanh bằng tiền mặt và tổng nợ ngắn hạn. Nó cho biết khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp mà không dựa vào việc bán vật tư hàng tồn kho. Hệ số này được tính như sau:

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{TSLĐ – Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Nếu hệ số thanh toán nhanh = 1 là hợp lý nhất, doanh nghiệp vừa duy trì được khả năng thanh toán, vừa không mất cơ hội do khả năng thanh toán nợ mang lại.

Nếu hệ số thanh toán nhanh < 1 thì doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ.

Nếu hệ số thanh toán nhanh > 1 thì phản ánh tình hình tiền và các khoản tương đương tiền bị ứ đọng, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

❖ Hệ số thanh toán hiện hành.

Hệ số thanh toán hiện hành là mối quan hệ giữa tài sản ngắn hạn với nợ ngắn hạn. Nó thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản ngắn hạn với các khoản nợ.

$$\text{Hệ số thanh toán hiện hành} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số thanh toán hiện hành bằng 2 là hợp lý nhất vì nếu như vậy thì doanh nghiệp sẽ duy trì được khả năng thanh toán.

Hệ số thanh toán hiện hành lớn hơn 2 thì khả năng thanh toán hiện thời của doanh nghiệp là dư thừa, nếu lớn hơn 2 quá nhiều thì nghĩa là vốn của doanh nghiệp bị ứ đọng, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa tốt.

Hệ số thanh toán hiện hành nhỏ hơn 2 thì khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp chưa cao, nếu con số này càng nhỏ hơn 2 thì doanh nghiệp không thể thanh toán hết được các khoản nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán hiện hành cao hay thấp còn phụ thuộc vào lĩnh vực ngành nghề kinh doanh và kỳ hạn thanh toán các khoản nợ phải thu, phải trả trong kỳ. Do đó tốt nhất là duy trì theo tiêu chuẩn ngành. Ngành nào mà tài sản lưu động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản thì hệ số này lớn và ngược lại.

❖ **Hệ số thanh toán lãi vay.**

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lãi thuần trước thuế} + \text{Lãi vay phải trả}}{\text{Lãi vay phải trả}}$$

Hệ số thanh toán lãi vay cho chúng ta biết được số vốn đi vay đã sử dụng tốt tới mức độ nào và đem lại một khoản lợi nhuận là bao nhiêu, có đủ bù đắp lãi vay phải trả không. Một doanh nghiệp được đánh giá hoạt động tốt khi có hệ số thanh toán lãi vay ≥ 8 .

1.3.3.2. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính.

❖ **Hệ số nợ (Hv).**

Hệ số này cho biết mức độ độc lập hay phụ thuộc của doanh nghiệp đối với các chủ nợ.

$$H_v = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng vốn}} = 1 - \text{Hệ số vốn chủ}$$

Về mặt lý thuyết, chỉ số này nằm trong khoảng $0 < \text{Hv} < 1$ nhưng thông thường nó dao động quanh giá trị 0,5. Bởi lẽ nó bị tự điều chỉnh từ hai phía: Chủ nợ và con nợ. Nếu chỉ số này càng cao, chủ nợ sẽ rất chặt chẽ khi quyết định cho vay thêm, mặt khác về phía con nợ, nếu vay nhiều quá sẽ ảnh hưởng đến quyền kiểm soát, đồng thời sẽ bị chia phần lợi quá nhiều cho vốn vay và rất dễ phá sản

Hệ số vốn chủ (Hc).

Hệ số vốn chủ phản ánh trong một đồng vốn kinh doanh hiện doanh nghiệp đang sử dụng có mấy đồng là vốn chủ sở hữu. Hệ số này cho biết mức độ tự tài trợ của doanh nghiệp đối với đồng vốn kinh doanh của mình.

$$H_c = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng vốn}} = 1 - \text{Hệ số nợ}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Tỷ suất tự tài trợ càng lớn chứng tỏ doanh nghiệp có nhiều vốn tự có, có tính độc lập cao với các chủ nợ, do đó không bị ràng buộc hay chịu sức ép từ các khoản nợ vay.

❖ **Hệ số đảm bảo nợ.**

$$\text{Hệ số đảm bảo nợ} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Nợ phải trả}}$$

Hệ số này đảm bảo nợ phản ánh mối quan hệ giữa nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, nó cho biết cứ mỗi đồng vốn vay thì có mấy đồng vốn chủ sở hữu đảm bảo. Thông thường hệ số này không nhỏ hơn 1.

❖ **Tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn.**

Tỷ suất đầu tư vào tài sản dài hạn phản ánh việc bố trí cơ cấu tài sản của doanh nghiệp khi doanh nghiệp sử dụng vốn bình quân một đồng vốn bình quân thì dành bao nhiêu đồng vốn để đầu tư vào tài sản cố định.

$$\text{Tỷ suất đầu tư vào TSDH} = \frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}} = 1 - \text{tỷ suất đầu tư vào TSNH}$$

Tỷ suất này càng lớn thể hiện mức độ quan trọng của TSCĐ trong tổng tài sản mà doanh nghiệp đang sử dụng vào kinh doanh. Nó phản ánh tình hình thực trạng cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực sản xuất cũng như xu hướng phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

Để kết luận được tỷ suất này có tốt hay không còn phải phụ thuộc vào ngành nghề của từng doanh nghiệp trong thời gian cụ thể. Tỷ suất này được coi là hợp lý ở một số ngành nếu đạt giá trị như sau:

Ngành vận tải là 0,9 đến 0,95

Ngành công nghiệp chế biến là 0,1

Ngành luyện kim là 0,7

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

❖ **Tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn.**

Tỷ suất này phản ánh việc bố trí tài sản của doanh nghiệp khi kinh doanh sử dụng vốn bình quân một đồng vốn bình quân thì dành bao nhiêu đồng vốn để đầu tư vào tài sản ngắn hạn

$$\text{Tỷ suất đầu tư vào TSNH} = \frac{\text{TS ngắn hạn}}{\text{Tổng tài sản}} = 1 - \text{tỷ suất đầu tư vào TSDH}$$

❖ **Hệ số cơ cấu vốn.**

Hệ số này thể hiện trong một đồng vốn mà doanh nghiệp hiện đang sử dụng có bao nhiêu đầu tư vào TSLĐ, bao nhiêu đầu tư vào TSCĐ. Tùy theo loại hình sản xuất mà tỷ số này ở mức độ cao thấp khác nhau. Cơ cấu cho từng loại vốn được tính như sau:

$$\text{Tỷ trọng tài sản cố định} = \frac{\text{Tài sản cố định và đầu tư dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$\text{Tỷ trọng TSLĐ} = 1 - \text{Tỷ trọng TSCĐ.}$$

Về mặt lý thuyết, tỷ lệ này bằng 50% là hợp lý. Tuy nhiên còn phụ thuộc vào đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp.

1.3.3.3. Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động.

❖ **Vòng quay tiền.**

Chỉ số này được tính bằng cách chia doanh thu tiêu thụ trong năm cho tổng số tiền mặt và các loại chứng khoán ngắn hạn có khả năng thanh toán cao.

$$\text{Vòng quay tiền} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ}}{\text{Tiền + chứng khoán ngắn hạn có khả năng thanh toán cao}}$$

Chỉ tiêu này cho biết số vòng quay của tiền trong năm.

❖ **Vòng quay hàng tồn kho.**

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn}}{\text{Hàng tồn kho}}$$

Đây là chỉ số phản ánh trình độ quản lý dự trữ của doanh nghiệp, thể hiện mối quan hệ giữa hàng hoá đã bán và vật tư hàng hoá của doanh nghiệp. Doanh nghiệp kinh doanh thường có vòng quay tồn kho hơn rất nhiều so với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Chỉ tiêu này từ 9 trở lên là một dấu hiệu tốt về tình hình tiêu thụ và dự trữ. Hệ số này thấp có thể phản ánh doanh nghiệp bị ứ đọng vật tư hàng hoá, hoặc sản phẩm tiêu thụ chậm và ngược lại.

❖ **Số ngày trung bình vòng quay hàng tồn kho.**

Phản ánh số ngày trung bình để hàng tồn kho quay được một vòng. Việc giữ nhiều hàng tồn kho sẽ làm cho số ngày để hàng tồn kho quay được một vòng cao.

$$\text{Số ngày trung bình vòng quay hàng tồn kho} = \frac{360}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$$

❖ **Vòng quay các khoản phải thu.**

Phản ánh tốc độ chuyển đổi các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp, nó cho biết trong kỳ doanh nghiệp có bao nhiêu lần thu được các khoản nợ. Chỉ tiêu này được xác định bằng công thức:

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ}}{\text{Bình quân các khoản phải thu}}$$

Chỉ tiêu này cho biết mức độ hợp lý của số dư các khoản phải thu và hiệu quả của việc thu hồi công nợ. Nếu các khoản phải thu được thu hồi nhanh thì số vòng luân chuyển các khoản phải thu sẽ cao là tốt và doanh nghiệp ít bị chiếm dụng vốn. Tuy nhiên, số vốn luân chuyển các khoản phải

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

thu quá cao sẽ không tốt vì có thể ảnh hưởng đến khối lượng hàng tiêu thụ do phương thức thanh toán quá chặt chẽ.

❖ **Kỳ thu tiền bình quân.**

Kỳ thu tiền bình quân phản ánh số ngày cần thiết để thu được các khoản phải thu (số ngày của một vòng quay các khoản phải thu) vòng quay các khoản phải thu càng lớn thì kỳ thu tiền bình quân càng nhỏ và ngược lại.

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{360}{\text{Số vòng quay các khoản phải thu}}$$

❖ **Hiệu suất sử dụng vốn cố định.**

Hiệu suất sử dụng vốn cố định nhằm đo lường hiệu quả sử dụng vốn cố định khi tham gia quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ thì tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ số này cũng có thể cao trong trường hợp doanh nghiệp không quan tâm đến việc gia tăng đầu tư vào TSCĐ (giá trị còn lại của TSCĐ giảm).

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn cố định} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

❖ **Vòng quay vốn lưu động.**

Vòng quay vốn lưu động phản ánh trong kỳ vốn lưu động quay được bao nhiêu vòng hay trong kỳ có mấy lần thu hồi được vốn lưu động. Nếu số vòng quay tăng chứng tỏ hiệu suất sử dụng vốn tăng và ngược lại.

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

❖ **Số ngày một vòng quay vốn lưu động.**

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Số ngày một vòng quay vốn lưu động phản ánh số ngày cần thiết cho vốn lưu động quay được một vòng. Thời gian của một vòng luân chuyển càng nhỏ chứng tỏ tốc độ luân chuyển càng lớn.

$$\text{Số ngày một vòng quay vốn lưu động} = \frac{360}{\text{Số vòng quay vốn lưu động}}$$

❖ Vòng quay toàn bộ vốn.

Vòng quay toàn bộ vốn là chỉ tiêu đo lường hiệu quả sử dụng vốn, trong đó nó phản ánh một đồng vốn được doanh nghiệp huy động vào sản xuất kinh doanh đem lại bao nhiêu đồng doanh thu. Chỉ tiêu này được xác định như sau:

$$\text{Vòng quay toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ}}{\text{Tổng số vốn}}$$

Tổng số vốn ở đây bao gồm toàn bộ số vốn được doanh nghiệp sử dụng trong kỳ, không phân biệt nguồn hình thành.

Chỉ tiêu này làm rõ khả năng tận dụng vốn triệt để vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc cải thiện chỉ số này sẽ làm tăng lợi nhuận đồng thời làm tăng khả năng cạnh tranh, uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

1.3.3.4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

Lợi nhuận là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận càng cao, doanh nghiệp càng tự khẳng định vị trí và sự tồn tại của mình trong nền kinh tế thị trường. Nhưng nếu chỉ thông qua số lợi nhuận mà doanh nghiệp thu được trong thời kỳ cao hay thấp để đánh giá chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh là tốt hay xấu thì có thể đưa chúng ta tới những kết luận sai lầm. Bởi lẽ số lợi nhuận này không tương xứng với lượng chi phí đã bỏ ra, với khối lượng tài sản mà doanh nghiệp đã sử dụng. Để khắc phục nhược điểm này, các nhà phân tích thường bổ xung thêm những chỉ tiêu tương đối

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

bằng cách đặt lợi nhuận trong mối quan hệ với doanh thu đạt được trong kỳ với tổng số vốn mà doanh nghiệp đã huy động vào sản xuất kinh doanh

❖ **Doanh lợi tiêu thụ (ROS).**

Để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh thịnh vượng hay suy thoái, ngoài việc xem xét chỉ tiêu doanh thu tiêu thụ đạt được trong kỳ, các nhà phân tích còn xác định trong 100 đồng doanh thu đó có bao nhiêu đồng lợi nhuận.

$$\text{Doanh lợi tiêu thụ} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu tiêu thụ}}$$

Chỉ tiêu này càng cao càng tốt, nó chịu ảnh hưởng của sự thay đổi sản lượng, giá bán, chi phí...

❖ **Doanh lợi ròng tổng vốn (ROA).**

Đây là một chỉ tiêu bổ sung cho chỉ tiêu doanh lợi vốn, được xác định bằng mối quan hệ tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế với tổng số vốn kinh doanh.

$$\text{Doanh lợi ròng tổng vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng vốn}}$$

Chỉ tiêu này làm nhiệm vụ là thước đo mức sinh lợi của tổng vốn được chủ sở hữu đầu tư, không phân biệt nguồn hình thành.

❖ **Doanh lợi vốn tự có (ROE).**

So với người cho vay thì việc bỏ vốn vào hoạt động kinh doanh của chủ sở hữu mang tính mạo hiểm hơn, nhưng lại có nhiều cơ hội đem lại lợi nhuận cao hơn. Họ thường dùng chỉ tiêu doanh lợi vốn tự có làm thước đo mức doanh lợi trên mức đầu tư của chủ sở hữu. Chỉ số này được xác định bằng cách chia lợi nhuận sau thuế cho vốn chủ sở hữu.

$$\text{Doanh lợi vốn tự có} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Chỉ tiêu này cho biết 100 đồng vốn tự có tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Nó phản ánh khả năng sinh lời của vốn tự có và được các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm khi họ quyết định bỏ vốn đầu tư vào kinh doanh. Tăng mức doanh lợi vốn tự có cũng thuộc trong số những mục tiêu hoạt động quản lý tài chính của doanh nghiệp.

1.3.4. Phân tích Dupont.

❖ Đẳng thức Dupont thứ nhất:

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận ST}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{\text{Lợi nhuận ST}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Phương trình này cho thấy Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản phụ thuộc vào 2 nguyên tố: thu nhập của doanh nghiệp trên một đồng doanh thu là bao nhiêu, 1 đồng tài sản thì tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu.

Sau khi phân tích, ta sẽ xác định chính xác nguồn gốc làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp hoặc số lượng hàng hóa bán ra không đủ lớn để tạo lợi nhuận hoặc lợi nhuận thuần trên đồng doanh thu quá thấp.

Có 2 hướng để tăng ROA: tăng ROS hoặc tăng vòng quay tổng tài sản

- Muốn tăng ROS: cần phấn đấu tăng lợi nhuận bằng cách tiết kiệm chi phí và tăng giá bán.
- Muốn tăng vòng quay của tổng tài sản cần phải phấn đấu tăng doanh thu bằng cách giảm giá bán và tăng cường các hoạt động xúc tiến bán hàng.

❖ Đẳng thức Dupont thứ hai:

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận ST}}{\text{Vốn CSH}} = \frac{\text{Lợi nhuận ST}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn CSH}} = ROA \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn CSH}}$$

Sự phân tích các thành phần tạo nên ROE cho thấy rằng khi tỷ số nợ tăng lên thì ROE cũng cao hơn, tỷ lệ nợ cao sẽ khuếch trương một hệ quả lợi

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

nhuận là: Nếu doanh nghiệp có lợi nhuận thì lợi nhuận sẽ rất cao và ngược lại, nếu doanh nghiệp lỗ thì thua lỗ sẽ rất nặng.

Có 2 hướng để tăng ROE: Tăng ROA hoặc tỷ lệ số Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu.

- Muốn tăng ROA thì ta làm theo đẳng thức thứ nhất.
- Muốn tăng tỷ số Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu thì ta cần phải phân đầu giảm vốn chủ sở hữu và tăng nợ.

Đẳng thức này cho thấy tỷ số nợ càng cao thì lợi nhuận của chủ sở hữu càng cao. Tuy nhiên khi tỷ số nợ tăng thì rủi ro cũng sẽ tăng theo.

❖ Đẳng thức Dupont tổng hợp:

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận ST}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn CSH}}$$

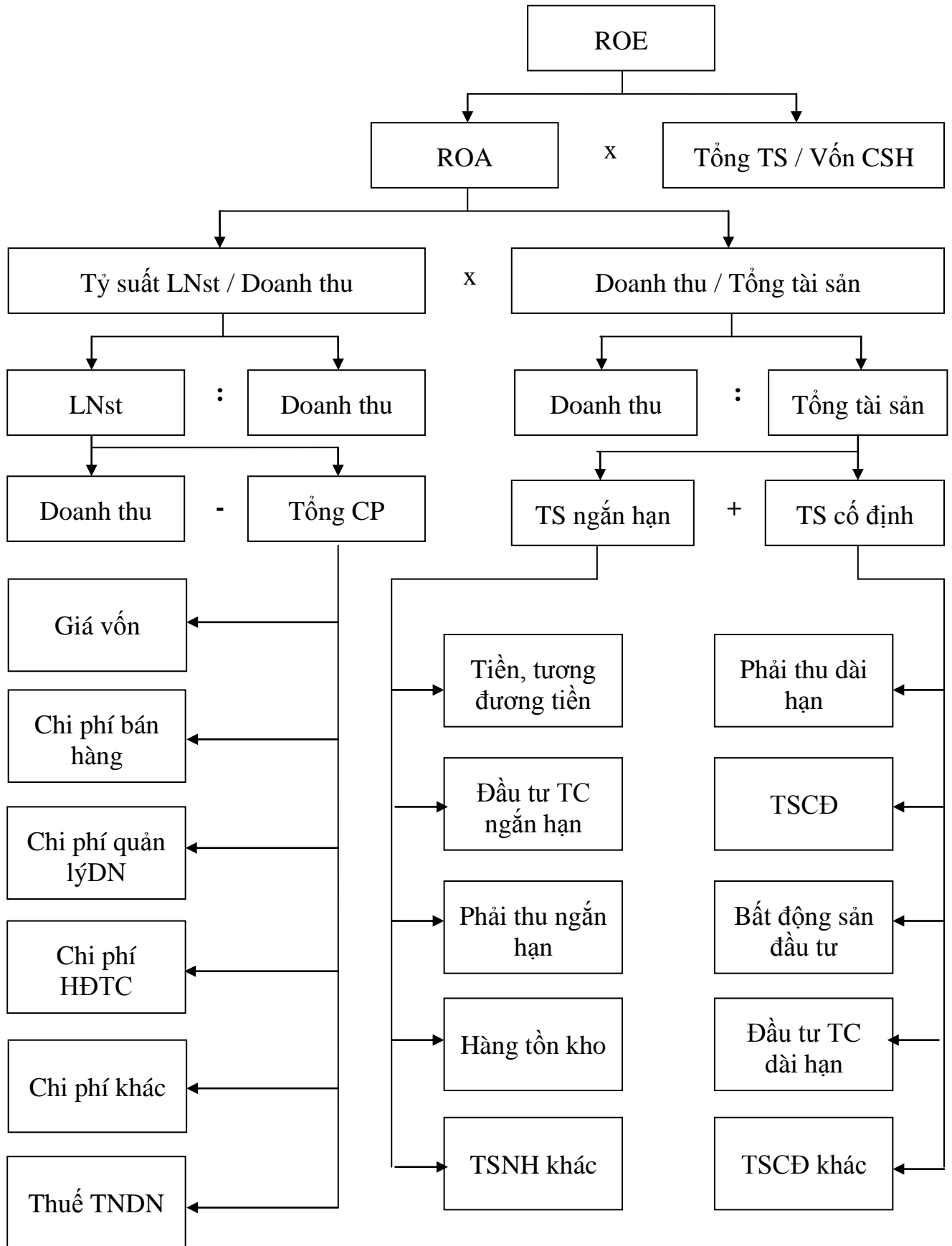
ROE phụ thuộc vào 3 yếu tố là ROA, ROS và tỷ số tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu.

Các nhân tố này có thể ảnh hưởng trái chiều nhau đối với ROE. Phân tích đẳng thức Dupont là xác định ảnh hưởng của 3 nhân tố đó đến ROE của doanh nghiệp để tìm hiểu nguyên nhân làm tăng tỷ số này.

Việc phân tích ảnh hưởng này có thể tiến hành theo phương pháp thay thế liên hoàn.

Từ đẳng thức 1 và 2 ta có:

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.



Phần II: Phân tích thực trạng tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.1. Những nét khái quát chung về công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.1.1. Giới thiệu chung về công ty.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HIẾU TRUNG.
- Tên tiếng anh: HIEU TRUNG SERVICE AND TRADING JOINT STOCK COMPANY.
- Tên viết tắt: HIEU TRUNG.,JSC
- Trụ sở công ty: Số 4/288, đường Lê Thánh Tông, phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng.
- Số đăng ký: 0203003303
- Ngày thành lập: 16/07/2007
- Người đại diện: Nguyễn Văn Riệu
- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đ
- Lĩnh vực hoạt động: Vận tải hàng hóa đường bộ vận tải bằng ô tô chuyên dụng, các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, môi giới vận tải đường bộ...

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.

Trước cánh cửa hội nhập, nền kinh tế trong nước đang trên đà phát triển mạnh, việc buôn bán trao đổi hàng hóa luôn diễn ra không ngừng và có xu hướng ngày càng nhộn nhịp ở cả trong và ngoài nước. Việc này dẫn đến nhu cầu về vận tải nói chung và nhu cầu về vận tải đường bộ nói riêng ngày càng gia tăng. Trước nhu cầu đó của nền kinh tế thì ngày 16/07/2007 công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung chính thức được thành lập và đi vào hoạt động

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

do ông Nguyễn Văn Riệu làm giám đốc với mong muốn phát triển công ty và mở rộng kinh doanh nhằm đáp ứng tốt nhu cầu vận tải nội địa trong nước, góp phần làm tăng trưởng nền kinh tế.

Sau khi thành lập thì công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung đã có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng của công ty, cũng như có quyền tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh và ký kết hợp đồng kinh tế như các thành phần kinh doanh khác.

Mặc dù thời gian đầu hoạt động còn có nhiều khó khăn do còn thiếu kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, quy mô hoạt động còn nhỏ nên chưa có khả năng cạnh tranh với các công ty khác trên thị trường. Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh của mình với số vốn là 4.500.000.000 đ cùng với đội xe gồm 5 xe đầu kéo. Không ngừng lại ở đó, công ty tiếp tục đầu tư vốn, mua sắm thêm tài sản cố định – các máy móc thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Sau một quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh với hơn 5 năm kinh nghiệm công ty đã và đang từng bước đi vào ổn định và phát triển, không ngừng khẳng định bản thân và mở rộng hoạt động kinh doanh. Đến nay, số vốn của công ty đã tăng lên 7.000.000.000 đ và công ty đang sở hữu riêng cho mình một đội xe gồm 12 xe đầu, hoạt động chuyên chở hàng hóa ở hầu hết các tỉnh thành phía Bắc và một số tỉnh miền Trung.

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của công ty.

2.1.3.1. Chức năng.

Công ty đã và đang tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh với các chức năng chủ yếu sau đây:

- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng.
- Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- Hoạt động môi giới vận tải đường bộ.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

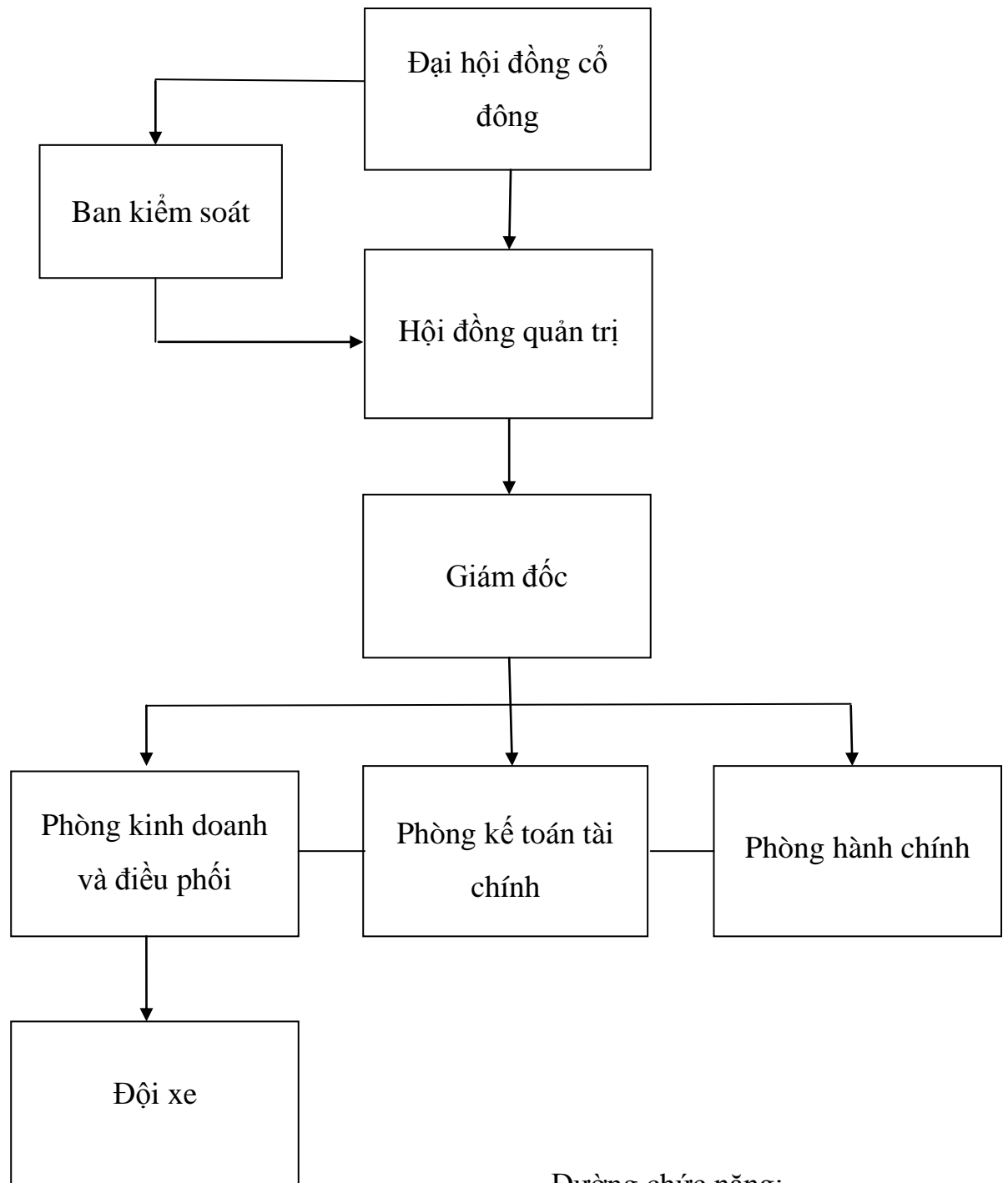
2.1.3.2. Nhiệm vụ.

- Không ngừng phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng cao của thị trường
- Đảm bảo nguồn vốn, tăng doanh thu – lợi nhuận, nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ công nhân viên, giúp cho công ty luôn phát triển một cách vững mạnh.
- Không ngừng mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới, nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của mình trên thị trường.
- Chấp hành nghiêm chỉnh chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Thực hiện đúng mục đích và phạm vi kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
- Góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức.

2.1.4.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.



Đường chức năng: ———

Đường trực tuyến: —————>

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

❖ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty hoặc người được cổ đông uỷ quyền. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển của công ty. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, giải thể tuyên bố phá sản, thanh lý tài sản trong trường hợp giải thể, phá sản công ty; Quyết định sửa đổi bổ sung điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty; Quyết định mua bán tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư tài chính; Quyết định về vấn đề của công ty trên thị trường chứng khoán; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;...

❖ Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty có nhiệm kỳ 05 năm. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty phù hợp với luật pháp, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

❖ Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra cùng có nhiệm kỳ như nhiệm kỳ của HĐQT. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những vấn đề thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Có nhiệm kỳ cùng với hội đồng quản trị.

❖ Giám đốc:

Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, một mặt là người quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, là người xây

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

dựng ra chiến lược phát triển của công ty, đồng thời là đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi hoạt động giao dịch.

❖ **Phòng kinh doanh và điều phối:**

Tham mưu và giúp việc cho giám đốc về việc xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh; lập kế hoạch vật tư thiết bị; thực hiện và theo dõi các hợp đồng kinh tế; tìm kiếm và mở rộng khách hàng; quản lý nhân sự của công ty; tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng hoá các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh; giám sát, theo dõi và điều phối xe....

❖ **Phòng kế toán:**

Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thu nhận chứng từ và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đưa ra thông tin dưới dạng báo cáo. Phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh. Thường xuyên cung cấp cho giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Lập kế hoạch về vốn và đào tạo cho các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tổng hợp và tính lương cho người lao động....

❖ **Phòng hành chính:**

Tổ chức quản lý, sắp xếp lao động tại đơn vị, tuyển dụng, đào nhân lực. Quản lý hồ sơ và giải quyết các vấn đề về chế độ tiền lương, thưởng, chế độ chính sách xã hội cho người lao động, công tác thi đua khen thưởng.

❖ **Đội xe:**

Thực hiện vận chuyển hàng hóa theo các hợp đồng kinh tế mà công ty đã ký kết với khách hàng. Có nhiệm vụ nhận hàng và vận chuyển đến đúng nơi

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

đúng thời điểm đã thỏa thuận, đồng thời phải đảm bảo an toàn trên đường vận chuyển, tránh thất thoát hư hỏng hàng hóa...

2.1.5. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Bảng 1: Bảng hoạt động kinh doanh năm 2012.

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	Tương đối
Doanh thu	12.563.135.000	13.497.343.000	934.208.000	7,44%
Tổng chi phí	10.487.009.740	11.367.620.755	880.611.015	8,4%
Lợi nhuận trước thuế	2.076.125.260	2.129.722.245	53.596.985	2,58%
Lợi nhuận sau thuế	1.557.093.945	1.597.291.684	40.197.739	2,58%
Số cổ phiếu	700.000	700.000	–	–
Lãi cơ bản trên CP (EPS)	2.224	2.281	57	2,56%

Từ bảng số liệu trên ta có thể thấy, doanh thu cũng như lợi nhuận của công ty trong năm 2012 so với năm 2011 đã có sự gia tăng. Nhưng tốc độ tăng của lợi nhuận lại thấp hơn so với tốc độ tăng của doanh thu. Điều này là do tốc độ tăng của tổng các chi phí trong năm 2012 lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu.

2.1.6. Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế đang phát triển một cách mạnh mẽ và trong đó cũng bao gồm nhiều sự biến động như hiện nay thì các doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung nói riêng đều gặp những thuận lợi và những khó khăn nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.1.6.1. Thuận lợi.

Đảng và nhà nước ta có chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, điều này sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển.

Công ty còn có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao, có kinh nghiệm tổ chức và điều hành kinh doanh dịch vụ.

Các cơ sở hạ tầng về đường xá, cầu cống nước ta đang được cải thiện và xây dựng rất nhiều. Bằng chứng là các con đường nhựa đường bê tông được xây dựng khắp nơi.

Cùng với sự phát triển của đất nước thì các nhà máy xí nghiệp không ngừng mọc lên ở khắp các nơi, đi theo đó sẽ là nhu cầu vận tải hàng hóa, giao lưu buôn bán giữa các địa phương khác nhau ngày càng gia tăng.

Vị trí của doanh nghiệp nằm ngay trên trục đường cảng Hải Phòng (đường Lê Thánh Tông). Trong khi đó cảng biển Hải Phòng lại là một trong những cảng biển lớn của nước ta, là nơi có lượng hàng hóa lưu thông lớn nhất miền bắc. Đây cũng là cửa ngõ kết nối với thế giới của miền Bắc, đặc biệt là vùng Tây Bắc nước ta. Nhà nước cũng đang có chính sách xây dựng và mở rộng cảng Hải Phòng, điều này sẽ làm gia tăng nhu cầu vận tải đường bộ ở nơi đây.

Có một lượng khách hàng truyền thống trung thành đối với công ty.

Khả năng tự chủ về vốn của công ty cao khi mà vốn chủ sở hữu chiếm hơn 70% tổng nguồn vốn.

2.1.6.2. Khó khăn.

Cùng với những thuận lợi thì công ty cũng gặp phải những khó khăn và thách thức:

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường tất yếu sẽ tạo ra sự cạnh tranh gay gắt đối với tất cả các lĩnh vực, các ngành kinh tế trong đó có cả ngành vận tải. Sự ra đời của nhiều công ty vận tải trên địa bàn với số vốn lớn và đội xe hùng hậu chính là một thách thức không nhỏ đối với công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Sự tác động của cuộc khủng hoảng tài chính trên thế giới cũng tác động không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam, nó tác động đến hoạt động sản xuất trong nước cũng như tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu. Từ đó đã ảnh hưởng đến nhu cầu vận tải hàng hóa.

Ngoài ra, giá nhiên liệu ngày càng tăng cao và có nhiều biến động, cộng thêm tính lạm phát hiện nay của nền kinh tế cũng khiến cho doanh nghiệp phải đương đầu với nhiều khó khăn trong việc cân đối giữa lợi nhuận và sự phát triển của công ty với các khoản chi phí như chi phí nhiên liệu, chi phí khấu hao, sửa chữa phương tiện, tiền lương....với áp lực giá cước dịch vụ vận chuyển phải cạnh tranh với các hãng xe khác.

2.2. Phân tích thực trạng tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.2.1. Phân tích tình hình tài chính qua bảng cân đối kế toán.

Bảng cân đối kế toán là một báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách tổng quát toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp theo hai cách đánh giá là tài sản và nguồn vốn hình thành tài sản tại thời điểm thành lập báo cáo.

2.2.1.1. Phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều ngang.

a. Phân tích khái quát sự biến động về tài sản.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Bảng 2.1: Bảng phân tích tài sản theo chiều ngang

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2012	So sánh	
				Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
TÀI SẢN					
A. Tài sản ngắn hạn.	100	1.546.910.800	1.633.079.550	86.168.750	5,57
I. Tiền và các khoản tương đương tiền.	110	494.079.000	441.080.000	(52.999.000)	(10,73)
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn.	120	0	0	–	–
III. Các khoản phải thu ngắn hạn.	130	562.950.000	640.620.000	77.670.000	13,8
IV. Hàng tồn kho.	140	204.197.600	239.965.950	35.768.350	17,52
V. Tài sản ngắn hạn khác.	150	285.684.200	311.413.600	25.729.400	9,01
B. Tài sản dài hạn.	200	7.642.855.200	8.509.708.450	866.853.250	11,34
I. Tài sản cố định.	210	7.492.551.200	8.334.143.450	841.592.250	11,23
II. Bất động sản đầu tư.	220	0	0	–	–
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.	230	0	0	–	–
IV. Tài sản dài hạn khác	240	150.304.000	175.565.000	25.261.000	16,81
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250	9.189.766.000	10.142.788.000	953.022.000	10,37

Trích bảng cân đối kế toán – phần tài sản.

(Nguồn: phòng kế toán tài chính)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Để phân tích ta so sánh tổng số vốn cuối năm và đầu năm để đánh giá sự biến động về quy mô của công ty, đồng thời so sánh giá trị và tỷ trọng thay đổi của các khoản mục trong năm 2011 và 2012.

❖ Tài sản ngắn hạn:

Qua bảng cân đối kế toán ta có thể thấy trong năm 2012 phần tài sản ngắn hạn có sự gia tăng so với năm 2011 là 86.168.750 đ ứng với 5,57%. Sự gia tăng này là do sự biến động của các khoản mục cụ thể như sau:

Tiền và các khoản tương đương tiền: năm 2012 giảm so với năm 2011 là 52.999.000đ ứng với giảm 10,73 %. Lượng tiền mặt này dùng để chi trả lương hàng tháng cho nhân viên và thanh toán các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mà chủ yếu là chi phí để vận hành đội xe. Tuy việc giảm tiền mặt này sẽ giúp công ty giảm việc ứ đọng vốn, ngược lại nó cũng làm giảm khả năng thanh toán của công ty xuống.

Các khoản phải thu ngắn hạn: năm 2012 so với năm 2011 thì tốc độ tăng của khoản phải thu tăng khá là cao (tăng 13,8%), tăng 77.670.000 đ. Như vậy, công ty đã để gia tăng việc ứ đọng vốn hay bị khách hàng chiếm dụng vốn. Điều này sẽ gây khó khăn cho khâu thanh toán do công ty chưa tích cực trong việc thu hồi các khoản nợ. Mặt khác, việc gia tăng này cũng do sự tác động của nền kinh tế làm cho các doanh nghiệp gặp khó khăn. Vì vậy để có thể tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh hiện nay công ty đã phải chấp nhận cho khách hàng thanh toán chậm. Nhưng việc gia tăng này sẽ làm cho công ty kém hiệu quả trong việc sử dụng tài sản lưu động.

Hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho của năm 2012 tăng mạnh so với năm 2011 (tăng 35.768.350 đ ứng với 17,52%). Nguyên nhân của nó chính là do giá cả xăng dầu tăng nhanh (giá dầu điêzen vào tháng 1/ 2012 là 20.400đ/lít nhưng đến tháng 12/2012 đã là 21.980đ/lít, tăng 7,75%). Trong khi đó theo quy định của nhà nước thì đối với các công ty vận tải chi phí xăng dầu chỉ

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

được chiếm từ 45-50% doanh thu, số chi phí vượt quá sẽ được chuyển vào giá trị tồn kho để khấu trừ dần. Vì vậy nó đã làm cho khoản mục hàng tồn của công ty tăng lên.

Tài sản ngắn hạn khác: trong năm 2012 tài sản ngắn hạn khác cũng tăng so với 2011, mà ở là sự gia tăng của thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (tăng 25.729.400đ ứng với 9,01%). Nguyên nhân của việc gia tăng này là do công ty chưa làm thủ tục hoàn thuế kịp thời, làm cho mục thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tăng lên. Vì vậy công ty cần phải làm tốt các thủ tục hoàn thuế để không bị chiếm dụng vốn.

❖ Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn năm 2012 tăng đáng mạnh so với năm 2011, tăng 866.853.250 đ ứng với 11,34%. Nguyên nhân chính của sự gia tăng này là do trong năm 2012 công ty đã tiến hành mua thêm máy móc thiết bị để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

Tài sản cố định: trong năm 2012 công ty đã tiến hành đầu tư mua thêm xe và một số trang thiết bị văn phòng. Điều đó đã làm cho tài sản cố định của công ty tăng 841.592.250đ so với năm 2011 (ứng với 11,23%). Điều đó cho thấy công ty đang từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao khả năng phục vụ cũng như khả năng cạnh tranh.

Ngoài ra thì giá trị của tài sản dài hạn khác của công ty trong năm 2012 cũng tăng 25.261.000đ ứng với 16,81% so với năm 2011.

b. Phân tích sự biến động về nguồn vốn.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Bảng 2.2: Bảng phân tích nguồn vốn theo chiều ngang.

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2012	So sánh	
				Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
NGUỒN VỐN					
A. Nợ phải trả.	300	1.727.912.000	2.519.287.000	791.375.000	45,80
I. Nợ ngắn hạn.	310	302.070.000	442.092.000	140.022.000	46,35
II. Nợ dài hạn.	320	1.425.842.000	2.077.195.000	651.353.000	45,68
B. Vốn chủ sở hữu.	400	7.461.854.000	7.623.501.000	161.647.000	2,17
I. Vốn chủ sở hữu.	410	7.461.854.000	7.623.501.000	161.647.000	2,17
II. Quỹ khen thưởng phúc lợi	430	0	0	–	–
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	9.189.766.000	10.142.788.000	953.022.000	10,37

Trích bảng cân đối kế toán – phần nguồn vốn.

(Nguồn: phòng kế toán tài chính)

Nguồn vốn thể hiện nguồn hình thành nên tài sản của công ty, tài sản biến động tương ứng với sự biến động của nguồn vốn. Vì thế mà việc phân tích tài sản của công ty phải đi đôi với việc phân tích nguồn vốn.

Phân tích kết cấu và sự biến động của nguồn vốn là đánh giá sự biến động của các loại nguồn vốn của công ty nhằm thấy được tình hình huy động và tình hình sử dụng các loại nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, mặt khác nó cũng cho ta thấy được tình trạng tài chính của công ty.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Qua bảng cân đối kế toán ta có thể thấy tỷ trọng nguồn vốn của công ty cũng có sự thay đổi một cách đáng kể:

❖ **Nợ phải trả:**

Trong năm 2012 khoản nợ phải trả của công ty tăng mạnh so với năm 2011 (tăng 781.375.000đ ứng với 45,80%) do công ty chủ động huy động các nguồn vốn vay để đầu tư vào sản xuất. Cụ thể : Nợ ngắn hạn tăng 140.022.000đ ứng với 46,35% do công ty chủ động chiếm dụng nguồn vốn của người bán để phục vụ việc hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trong ngắn hạn. Ngoài ra nợ dài hạn tăng 651.353.000đ ứng với 45,68%. Nguyên nhân chính dẫn đến sự thay đổi của nợ dài hạn đó là do công ty đang mạnh dạn chủ động vay vốn trong dài hạn để đầu tư thêm trang máy móc thiết bị, nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời với đó là tăng cường nguồn vốn kinh doanh, thúc đẩy hoạt động sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh...

Tóm lại, việc tăng các khoản nợ phải trả giúp cho công ty có thêm vốn nhưng mặt khác nó cũng làm giảm khả năng thanh toán. Đặc biệt, ta có thể thấy nợ ngắn hạn tăng một cách đột biến, chủ yếu là do việc chiếm dụng vốn bên ngoài để sử dụng. Công ty cần xem xét các khoản chiếm dụng này một cách hợp lý để có thể sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả hơn.

❖ **Nguồn vốn chủ sở hữu:**

Qua bảng phân tích ta có thể thấy lượng vốn chủ sở hữu của công ty tăng 161.647.000đ ứng với 2,17%. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng lên trong năm 2012 nguyên nhân là do sự tăng lên của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, điều đó cho thấy sự tích lũy nội bộ trong công ty đã tăng lên. Việc tăng lên này chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng hiệu quả và tương đối ổn định. Công ty đang chủ động tích lũy nguồn lực tài chính để phát triển, mở rộng kinh doanh...

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Nhận xét: Nhìn chung, năm 2011 và năm 2012 ta có thể thấy tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty đều tăng. Điều này chứng tỏ công ty đang cố gắng mở rộng hoạt động kinh doanh, công ty đã đầu tư vào cơ sở vật chất kỹ thuật, huy động thêm các nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn khác.

2.2.1.2. Phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều dọc.

Bảng 3: Bảng phân tích bảng cân đối kế toán theo chiều dọc.

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011		Năm 2012	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
TÀI SẢN					
A. Tài sản ngắn hạn.	100	1.546.910.800	16,83	1.633.079.550	16,10
I- Tiền và các khoản tương đương tiền.	110	494.079.000	5,38	441.080.000	4,35
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn.	120	0	–	0	–
III- Các khoản phải thu ngắn hạn.	130	562.950.000	6,13	640.620.000	6,32
IV- Hàng tồn kho.	140	204.197.600	2,22	239.965.950	2,37
V- Tài sản ngắn hạn khác.	150	280.684.200	3,11	311.413.600	3,07
B. Tài sản dài hạn.	200	7.642.855.200	83,17	8.509.708.450	83,90
I- Tài sản cố định.	210	7.492.551.200	81,53	8.334.143.450	82,17
II- Bất động sản đầu tư.	220	0	–	0	–
III- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.	230	0	–	0	–
IV- Tài sản dài hạn khác	240	150.304.000	1,64	175.565.000	1,73
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250	9.189.766.000	100	10.142.788.000	100

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

NGUỒN VỐN					
A. Nợ phải trả.	300	1.727.912.000	18,80	2.519.287.000	24,84
I- Nợ ngắn hạn.	310	302.070.000	3,29	442.092.000	4,36
II- Nợ dài hạn.	320	1.425.842.000	15,52	2.077.195.000	20,48
B. Vốn chủ sở hữu.	400	7.461.854.000	81,20	7.623.501.000	75,16
I- Vốn chủ sở hữu.	410	7.461.854.000	81,20	7.623.501.000	75,16
II- Quỹ khen thưởng phúc lợi	430	0	–	0	–
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	9.189.766.000	100	10.142.788.000	100

Trích bảng cân đối kế toán.

(Nguồn: phòng kế toán tài chính)

a. Tình hình thay đổi cơ cấu tài sản.

Năm 2011	Năm 2012
TS ngắn hạn 16,83% (1.546.910.800 đ)	TS ngắn hạn 16,10% (1.633.079.550 đ)
TS dài hạn 83,17% (7.642.855.200 đ)	TS dài hạn 83,90% (8.509.708.450 đ)

Qua các số liệu trên ta có thể thấy được sự biến động về cơ cấu tài sản của công ty trong năm 2012 so với năm 2011:

❖ Tài sản ngắn hạn:

Tuy rằng về giá trị của tài sản đã có sự thay đổi lớn, nhưng về mặt tỷ trọng thì không có sự biến động gì nhiều. Tỷ trọng của tài sản ngắn hạn năm

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2011 là 16,83% thì đến năm 2012 đã giảm xuống còn 16,10% (đã giảm 0,73%). Có sự thay đổi trên là do tác động của các khoản mục liên quan:

Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 1,03% từ 5,38% xuống 4,35%, điều này là do lượng tiền mặt lưu trữ tại công ty giảm cùng với đó thì giá trị tổng tài sản của công ty trong năm 2012 là tăng lên đã làm cho tỷ trọng của khoản mục này trong tổng tài sản giảm xuống.

Tỷ trọng của các khoản phải thu ngắn hạn lại có chiều hướng gia tăng theo thời gian. Năm 2011 các khoản phải thu chiếm 6,13% trong tổng tài sản, thì đến năm 2012 đã tăng lên 6,32% (tăng 0,19%). Điều này sẽ ngày càng gây khó khăn cho công ty vì số vốn bị khách hàng chiếm dụng có chiều hướng gia tăng, nó sẽ làm gia giảm số vòng quay thu tiền, nó sẽ làm giảm sự chủ động của công ty trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất và có thể làm công ty phải vay thêm vốn bên ngoài để có thể tài trợ cho nguồn vốn lưu động.

Tỷ trọng của hàng tồn kho cũng có sự thay đổi: năm 2011 giá trị hàng tồn kho chiếm 2,22% trong tổng giá trị tài sản, thì đến năm 2012 còn số này dừng lại ở mức 2.37%.

Ngoài ra, ta có thể thấy giá trị của tài sản ngắn hạn tăng nhưng về mặt cơ cấu thì tỷ trọng của nó trong năm 2012 thì lại thay đổi theo xu hướng giảm tuy không đáng kể (giảm 0,04%).

❖ Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn trong năm 2012 đã tăng từ 83,17% lên 83,90% (tăng 0,73%) trong tổng tài sản. Cụ thể: tài sản cố định tăng 0,64% đồng thời thì tài sản dài hạn khác cũng tăng 0,09%. Vì vậy mà nhìn chung tài sản dài hạn năm 2012 vẫn tăng so với năm 2011 cả về giá trị và tỷ trọng trong cơ cấu.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

b. Tình hình thay đổi cơ cấu nguồn vốn.

Năm 2011	Năm 2012
Nợ phải trả 18,80% (1.727.912.000 đ)	Nợ phải trả 24,84% (2.519.287.000 đ)
Vốn chủ sở hữu 81,20% (7.461.854.000 đ)	Vốn chủ sở hữu 75,16% (7.623.501.000 đ)

Qua kết cấu trên ta có thể thấy cơ cấu nguồn vốn của công ty có sự thay đổi lớn trong năm 2012. Cụ thể, trong năm 2011 nợ phải trả của công ty là 1.727.912.000 đ chỉ chiếm 18,80%, nhưng đến năm 2012 thì con số này đã tăng lên thành 2.519.287.000 đ chiếm 24,84% trong tổng nguồn vốn. Điều đó cho thấy công ty đã vay thêm vốn để đầu tư vào hoạt động kinh doanh, mà cụ thể là mua thêm xe chở hàng và các trang máy móc thiết bị để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhưng việc vay thêm vốn cũng sẽ làm tăng áp lực cho công ty trong việc giải quyết các khoản nợ cũng như việc thanh toán các khoản lãi vay định kỳ.

Tuy tỷ trọng của nguồn vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn của công ty năm 2012 có giảm đi nhưng tổng giá trị vốn chủ thì vẫn tăng, mà ở đây cụ thể là tăng khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Nhận xét: Nhìn chung một cách tổng quan thì quy mô của công ty trong năm 2012 đã tăng lên đáng kể so với năm 2011 (tăng 10,37%) đó là một điều đáng mừng, song sự gia tăng về cơ cấu nguồn vốn lại hình thành chủ yếu là do vay nợ và điều đó đồng nghĩa với việc chênh lệch tỷ trọng tài trợ càng cao và mức rủi ro trong kinh doanh cũng sẽ tăng lên. Doanh nghiệp cần phải xem xét và điều chỉnh lại cơ cấu nguồn vốn một cách hợp lý.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.2.2. Phân tích tình hình tài chính qua báo cáo kết quả kinh doanh.

2.2.2.1. Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang.

Bảng 5: Bảng phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang.

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	So sánh	
			Chênh lệch	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	12.563.135	13.497.343	934.208	7,44
2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	83.946	65.250	(18.696)	(22,27)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	12.479.189	13.432.093	952.904	7,64
4. Giá vốn hàng bán.	9.125.869	9.612.103	486.234	5,33
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	3.353.320	3.819.990	466.670	13,92
6. Doanh thu hoạt động tài chính.	0	0	0	0
7. Chi phí tài chính.	204.716	233.526	28.810	14,07
- Trong đó: Chi phí lãi vay	204.716	233.526	28.810	14,07
8. Chi phí bán hàng.	103.019	129.064	26.045	25,28
9. Chi phí quản lý kinh doanh.	986.579	1.350.951	364.372	36,93
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.	2.059.005	2.106.448	47.443	2,30
11. Thu nhập khác.	110.682	100.230	(10.452)	(9,44)
12. Chi phí khác.	93.562	76.956	(16.606)	(17,75)
13. Lợi nhuận khác.	17.120	23.274	6.154	35,95
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.	2.076.125	2.129.722	53.596	2,58
15. Chi phí thuế TNDN.	519.031	532.430	13.399	2,58
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN.	1.557.093	1.597.291	40.197	2,58

(Trích báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Trong giai đoạn năm 2011 – 2012 vẫn là giai đoạn khó khăn cho hầu hết các doanh nghiệp trong nước, lạm phát và lãi suất vay vốn ở mức cao, cùng với đó là các chi phí đầu vào cũng liên tục tăng mạnh, đặc biệt là chi phí xăng dầu, trong khi đó thì nhu cầu của thị trường lại có sự giảm sút. Tuy vậy, công ty vẫn khắc phục được khó khăn để vượt lên trong sản xuất kinh doanh, thành quả của sự cố gắng đó được thể hiện ngay trong báo cáo kết quả kinh doanh của công ty trong 2 năm 2011 và 2012. Công ty không những làm ăn có lãi mà còn tăng trưởng sau các năm, cụ thể:

Doanh thu: năm 2011 doanh thu của công ty đạt 12.563.135.000 đ, đến năm 2012 doanh thu đạt 13.497.343.000 đ tăng hơn so với năm trước là 934.208.000 đ ứng với 7,44%. Nguyên nhân của việc doanh thu tăng một phần là do giá cước vận chuyển tăng để có thể bù đắp được cho các chi phí bỏ ra và cũng theo xu hướng biến động chung của ngành. Nhưng nguyên nhân chủ yếu là do số lượng hợp đồng được ký kết thực hiện trong năm 2012 gia tăng so với năm 2011. Điều đó cho thấy quá trình sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng có hiệu quả hơn.

Các loại chi phí đầu vào: Do trong khoảng thời gian năm 2011 – 2012 vẫn chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế, kéo theo đó là các chi phí đầu vào tăng như chi phí xăng dầu, chi phí tiền lương cho nhân công trực tiếp, chi phí quản lý. Chi phí xăng dầu trong năm 2012 có sự gia tăng mạnh – nó tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nhưng nhờ công ty có những biện pháp hợp lý nên tốc độ tăng của chi phí giá vốn chỉ đạt 5,33% trong khi đó doanh thu lại tăng 7,44%. Nhưng chi phí tài chính (hầu hết là chi phí lãi vay) của công ty lại có xu hướng tăng (tăng 14,07%) do công ty vay vốn bên ngoài để đầu tư mua sắm thêm tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí bán hàng cũng tăng 25,28%. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh trong năm 2012 (tăng 36,93%). Điều đó đã gây

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

rất nhiều khó khăn cho công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh do phải tìm biện pháp để giảm thiểu chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: Mặc dù doanh thu tăng (đạt 7,44%) nhưng tốc độ tăng của tổng chi phí còn cao hơn doanh thu, do đó mà lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2012 chỉ đạt 1.597.291.684 đ tăng so với năm 2011 là 40.197.739 đ ứng với 2,58%. Tuy tốc độ tăng của lợi nhuận không bằng tốc độ tăng của doanh thu nhưng nó cũng thể hiện tình hình phát triển của công ty trong hai năm gần đây. Đặc biệt là trong tình hình nền kinh tế hiện nay, công ty không những làm ăn có lãi mà còn tăng trưởng qua các năm.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.2.2.2. Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều dọc.

Bảng 6: Bảng phân tích báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều dọc.

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

Chi tiêu	Năm 2011		Năm 2012	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	12.563.135	100	13.497.343	100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	83.946	0,67	65.250	0,48
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	12.479.189	99,33	13.432.093	99,52
4. Giá vốn hàng bán.	9.125.869	72,64	9.612.103	71,21
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	3.353.320	26,69	3.819.990	28,30
6. Doanh thu hoạt động tài chính.	0	0	0	0
7. Chi phí tài chính.	204.716	1,63	233.526	1,73
- Trong đó: Chi phí lãi vay	204.716	1,63	233.526	1,73
8. Chi phí bán hàng.	103.019	0,82	129.064	0,96
9. Chi phí quản lý kinh doanh.	986.579	7,85	1.350.951	10,01
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh.	2.059.005	16,39	2.106.448	15,61
11. Thu nhập khác.	110.682	0,88	100.230	0,74
12. Chi phí khác.	93.562	0,74	76.956	0,57
13. Lợi nhuận khác.	17.120	0,14	23.274	0,17
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế.	2.076.125	16,53	2.129.722	15,78
15. Chi phí thuế TNDN.	519.031	4,13	532.430	3,94
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN.	1.557.093	12,39	1.597.291	11,83

(Trích báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Theo bảng phân tích ta có thể thấy trong năm 2011 để có 100 đồng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì ta phải bỏ ra 72,64 đồng giá vốn hàng bán, 1,63 đồng cho chi phí tài chính và 7,85 đồng cho chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong khi đó, năm 2012 để có được 100 đồng doanh thu thì cần phải bỏ ra 71,21 đồng giá vốn, 1,73 đồng chi phí tài chính và 10,01 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp.

Năm 2012 lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chiếm 11,83% doanh thu, giảm 0,56% so với năm 2011. Điều này là do sự gia tăng tỷ trọng của các loại chi phí trong doanh thu. Như chi phí lãi vay tỷ trọng trong năm 2012 đã tăng thêm 0,1%, chi phí bán hàng tăng 0,14%, đặc biệt chi phí quản lý của công ty tăng 2,16%, trong khi đó thì tỷ trọng của giá vốn trong doanh thu lại giảm giá 1,43%

Như vậy, lợi nhuận kinh doanh của công ty trong các năm qua vẫn ở mức dương, nhưng trong năm 2012 thì tỷ trọng của nó trong doanh thu lại giảm, nguyên nhân là do tốc độ gia tăng của các chi phí cao hơn tốc độ tăng của doanh thu từ đó làm cho tỷ trọng của lợi nhuận bị giảm. Vì vậy mà công ty cần chú ý nhiều hơn nữa và tìm biện pháp quản lý chi phí tốt hơn để có thể gia tăng tỷ trọng lợi nhuận cho công ty.

2.2.3. Phân tích tài chính thông qua các nhóm chỉ tiêu tài chính.

2.2.3.1. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán.

Tình hình công nợ thể hiện quan hệ chiếm dụng trong thanh toán, khi nguồn vốn bù đắp cho tài sản bị thiếu thì công ty đi chiếm dụng vốn của công ty khác, ngược lại khi nguồn bù đắp cho tài sản thừa thì công ty lại bị chiếm dụng. Nếu vốn bị chiếm dụng quá nhiều sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Vì thế ta cần phải phân tích tình hình thanh toán để thấy rõ hơn hoạt động tài chính của công ty.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Bảng 7: Nhóm các chỉ tiêu về khả năng thanh toán.

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị		So sánh	
	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch	%
1. Tổng tài sản.	9.189.766.000	10.142.788.000	953.022.000	10,37
2. Tài sản ngắn hạn.	1.546.910.800	1.633.079.550	86.168.750	5,57
3. Hàng tồn kho.	204.197.600	239.965.950	35.768.350	17,52
4. Tổng nợ.	1.727.912.000	2.519.287.000	791.375.000	45,80
5. Nợ ngắn hạn.	302.070.000	442.092.000	140.022.000	46,35
6. Lãi vay.	204.716.740	223.526.755	18.810.015	9,19
7. Lợi nhuận trước thuế và lãi vay.	2.280.842.000	2.353.249.000	72.407.000	3,17
8. Hệ số khả năng thanh toán tổng quát. (8 = 1 / 4)	5,318	4,026	(1,292)	(24,3)
9. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành. (9 = 2 / 5)	5,121	3,694	(1,427)	(27,87)
10. Hệ số khả năng thanh toán nhanh (10 = (2-3)/5)	4,445	3,151	(1,294)	(29,11)
11. Hệ số thanh toán lãi vay. (11 = 7 / 6)	11,141	10,528	(0,614)	(5,51)

Qua bảng số liệu trên ta thấy:

Khả năng thanh toán tổng quát của công ty trong năm 2011 là 5,318 nghĩa là một đồng vốn vay được bảo đảm bằng 5,318 đồng tài sản. Nhưng hệ số này đã giảm xuống chỉ còn 4,026 trong năm 2012, giảm 24,3% so với năm 2011. Điều đó cho thấy khả năng thanh toán của công ty đã bị giảm sút.

Hệ số khả năng thanh toán hiện hành: Nếu như khả năng thanh toán tổng quát phản ánh khả năng thanh toán nợ nói chung của công ty thì hệ số khả năng thanh toán hiện hành phản ánh khả năng thanh toán nợ ngắn hạn. Hệ

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

số này của năm 2011 là 5,121 tức là cứ một đồng nợ ngắn hạn thì được đảm bảo bằng 5,121 đồng tài sản. Năm 2012 thì hệ số này là 3,694 đã giảm 27,87% so với năm 2011. Có sự giảm sút này nguyên nhân chủ yếu là do giá trị cũng như tốc độ tăng của của các khoản nợ ngắn hạn trong năm 2012 tăng hơn so với giá trị tăng thêm và tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn. Tuy việc giảm này là tốt nhưng vẫn ở mức cao, thể hiện khả năng thanh toán hiện hành của công ty đang bị dư thừa, vốn của công ty đang bị ứ đọng. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp để sử dụng hiệu quả vốn của mình trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hệ số thanh toán nhanh: Trong năm 2012 hệ số thanh toán nhanh của công ty đã giảm so với năm 2011. Nếu như ở năm 2011 cứ 1 đồng nợ được đảm bảo bằng 4,445 đồng tài sản, thì đến năm 2012 cứ 1 đồng nợ chỉ được đảm bảo bằng 3,151 đồng tài sản. Tuy giảm đến 29,11% nhưng công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ trong ngắn hạn mà không cần dựa vào giá trị hàng tồn kho.

Hệ số thanh toán lãi vay: năm 2011 hệ số thanh toán lãi vay của công ty là 11,141 nhưng đến năm 2012 con số này chỉ còn lại là 10,528. Nguyên nhân của việc giảm sút này là do tốc độ gia tăng của các khoản nợ làm gia tăng lãi vay tăng nhanh hơn tốc độ gia tăng của lợi nhuận. Tuy hệ số này đã giảm đến 5,51% trong năm 2012 nhưng hệ số này của công ty vẫn ở mức cao.

Nhìn chung thì khả năng thanh toán nói chung của công ty vẫn được đánh giá là khá tốt, nó cho ta thấy được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đã có những bước phát triển hơn trước. Tuy vậy, công ty vẫn cần cố gắng phát huy hơn nữa các mặt mạnh và khắc phục những điểm yếu để cải thiện tình hình làm ăn của công ty.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.2.3.2. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư.

Bảng 8: Nhóm các chỉ tiêu về cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư.

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị		So sánh	
	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1. Tổng nguồn vốn.	9.189.766.000	10.142.788.000	953.022.000	10,37
2. Tổng tài sản.	9.189.766.000	10.142.788.000	953.022.000	10,37
3. Vốn chủ sở hữu.	7.461.854.000	7.623.301.000	161.647.000	2,17
4. Nợ phải trả.	1.727.912.000	2.519.287.000	791.375.000	45,80
5. Tài sản dài hạn.	7.642.855.200	8.509.708.450	866.853.250	11,34
6. Tài sản ngắn hạn.	1.546.910.800	1.633.079.550	86.168.750	5,57
7. Hệ số nợ ($7 = 4/1$).	0,188	0,248	0,06	32,10
8. Hệ số vốn chủ ($8 = 3/1$)	0,812	0,752	(0,06)	(7,43)
9. Hệ số đảm bảo nợ ($9 = 3/4$).	4,318	3,026	(1,292)	(29,93)
10. Tỷ suất đầu tư vào TSNH ($10 = 6/2$).	0,168	0,161	(0,007)	(4,35)
11. Tỷ suất đầu tư vào TSDN ($11 = 5/2$).	0,832	0,839	0,007	0,88

Hệ số nợ: năm 2011 trong một đồng tổng vốn có 0,188 đồng là công ty vay bên ngoài, đến năm 2012 thì hệ số này tăng lên 0,248 đồng (đã tăng lên so với năm 2011 là 32,1%). Nguyên nhân của sự thay đổi này là tốc độ tăng lên của lượng vốn đi vay lớn hơn tốc độ tăng của tổng nguồn vốn, cụ thể tổng nguồn vốn của năm 2012 tăng lên so với năm 2011 là 10,37%, nhưng tổng số

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

nợ phải trả tăng 45,8% (tăng gấp hơn 4,4 lần so với tốc độ tăng của tổng nguồn vốn). Điều đó cho thấy công ty ngày càng phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn đi vay.

Hệ số vốn chủ: Nếu như ở trên hệ số nợ của công ty đã tăng lên thì điều tất yếu là hệ số vốn chủ của công ty sẽ giảm xuống. Năm 2011 vốn chủ chiếm 81,2% trong tổng tài sản thì đến năm 2012 con số này đã giảm xuống chỉ còn 75,2%. Tuy hệ số vốn chủ của công ty đã giảm trong năm qua nhưng vẫn đang duy trì ở mức tương đối cao. Công ty vẫn có khả năng độc lập cao, không bị ràng buộc hay sức ép từ các chủ nợ. Các chủ nợ thường rất chú ý đến hệ số nợ và hệ số vốn chủ, với mức độ tự tài trợ như vậy thì trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn như hiện nay thì công ty vẫn có thể đứng vững được.

Hệ số đảm bảo nợ: Năm 2011 hệ số đảm bảo nợ của công ty là 4,318 nghĩa là cứ 1 đồng vốn vay sẽ được đảm bảo bằng 4,318 đồng vốn chủ, đến năm 2012 hệ số này là 3,026 đã giảm 29,93% so với năm 2011. Tuy đã giảm mạnh nhưng nhìn chung thì hệ số đảm bảo nợ của công ty vẫn đang ở mức cao. Các khoản nợ của công ty vẫn được đảm bảo tốt bằng vốn chủ sở hữu.

Tỷ suất đầu tư vào tài sản ngắn hạn và dài hạn: Do đặc điểm của lĩnh vực kinh doanh là vận tải nên tỷ trọng đầu tư vào tài sản cố định của công ty bao giờ cũng chiếm phần lớn trong tổng đầu tư của công ty. Năm 2012 tỷ suất đầu tư vào tài sản cố định của công ty là 83,9% tăng 0,9% so với năm 2011. Tuy tỷ trọng tăng không nhiều trong năm qua nhưng tỷ trọng của nó vẫn ở mức cao, điều đó chứng tỏ các tài sản này có vai trò quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nó cũng cho thấy tình hình trang thiết bị vật chất kỹ thuật của công ty, năng lực sản xuất của công ty là rất lớn và có xu hướng phát triển lâu dài ổn định...

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.2.3.3. Nhóm chỉ tiêu về khả năng hoạt động.

Bảng 9: Nhóm các chỉ tiêu về khả năng hoạt động.

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Giá trị		So sánh	
	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch	(%)
1. Tiền và các khoản tương đương	494.079.000	441.080.000	(52.999.000)	(10,73)
2. Các khoản phải thu.	526.950.000	640.620.000	77.670.000	13,8
3. Giá vốn.	8.951.869.000	9.389.103.000	437.234.000	4,88
4. Hàng tồn kho bình quân.	204.197.600	239.965.950	35.768.350	17,52
5. Doanh thu tiêu thụ.	10.013.135.000	10.697.343.000	684.208.000	6,83
6. Vốn lưu động bình quân.	1.546.910.800	1.633.079.550	86.168.750	5,57
7. Vốn cố định bình quân.	7.642.855.200	8.509.708.450	866.853.250	11,34
8. Vòng quay hàng tồn kho. (8 = 3/4).	43,839	39,127	(4,71)	(10,75)
9. Số ngày một vòng quay hàng tồn kho (9 = 360/8).	8,212	9,201	0,99	12,04
10. Vòng quay các khoản phải thu. (10 = 5/2).	22,317	21,069	(1,25)	(5,59)
11. Kỳ thu tiền bình quân (11 = 360/10)	16,131	17,087	0,96	5,92
12. Vòng quay tiền (12 = 5/1).	25,427	30,601	5,17	20,35
13. Vòng quay vốn lưu động (13 = 5/6).	8,121	8,265	0,14	1,77
14. Số ngày một vòng quay vốn lưu động (14 = 360/13)	44,327	43,557	(0,77)	(1,74)
15. Hiệu suất sử dụng vốn cố định (15 = 5/7).	1,644	1,586	(0,06)	(3,51)
16. Vòng quay toàn bộ vốn (16 = 5/(6+7)).	1,367	1,331	(0,04)	(2,66)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Theo bảng phân tích trên ta có thể thấy được tình hình hoạt động nói chung của công ty.

Vòng quay hàng tồn kho: Chỉ tiêu này năm 2011 là 43,839 vòng/năm. Đến năm 2012 chỉ tiêu này giảm xuống còn 39,127 vòng/năm, giảm 4,71%. Điều này đã làm cho số ngày của một vòng quay hàng tồn kho thay đổi theo. Năm 2011 phải 8,2 ngày để hàng tồn kho có thể quay được một vòng thì đến năm 2012 là 9,2 ngày.

Kỳ thu tiền bình quân: Năm 2011 số vòng quay các khoản phải thu là 22,317 vòng/năm, ứng với 16,131 ngày/vòng. Nhưng đến năm 2012 thì số vòng này là 21,096 vòng/năm, ứng với 17,087 ngày/vòng. Theo số liệu ta có thể thấy việc thu hồi công nợ của công ty giảm đi do chính sách nới lỏng tín dụng đối với khách hàng.

Vòng quay tiền và các khoản tương đương: Năm 2011 số vòng quay tiền và các khoản tương đương là 25,427 vòng/năm, đến năm 2012 là 30,601 vòng/năm tăng 20,35%. Việc thay đổi này thể hiện việc tăng khả năng linh hoạt về tài chính của công ty, cũng như việc sử dụng vốn một cách có hiệu quả hơn.

Vòng quay vốn lưu động: Năm 2011 cứ một đồng vốn lưu động sẽ tạo ra được 8,121 đồng doanh thu, nói cách khác thì vốn lưu động của công ty quay được 8,121 vòng/năm. Năm 2012 chỉ tiêu này tăng lên 8,265 (tăng 1,77% so với năm 2011). Cùng với đó thì số ngày cho một vòng quay vốn lưu động cũng giảm xuống từ 44,327 ngày/vòng xuống còn 43,557 ngày/vòng. Làm cho một năm vốn lưu động quay được nhiều vòng hơn, hay lượng vốn lưu động được sử dụng tạo ra một lượng doanh thu nhiều hơn. Điều đó cho thấy công ty đã sử dụng vốn lưu động một cách có hiệu quả hơn.

Hiệu suất sử dụng vốn cố định: Hiệu suất này thể hiện một đồng vốn cố định bỏ ra vào sản xuất kinh doanh thì sẽ thu được bao nhiêu đồng doanh thu.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Năm 2011 cứ một đồng vốn cố định bỏ ra thì công ty thu về được 1,644 đồng doanh thu, đến năm 2012 hệ số này giảm xuống còn 1,586 (giảm 3,51%). Hệ số này giảm đi tuy không nhiều nhưng điều đó cũng cho ta thấy được tình hình sử dụng tài sản cố định của công ty đã phần nào đi xuống. Các tài sản cố định như máy móc mua về đã được đưa vào sử dụng chưa có hiệu quả, bị lãng phí.

Vòng quay toàn bộ vốn: Trong năm 2011 cứ mỗi đồng vốn mà công ty bỏ ra (không phân biệt vốn chủ sở hữu hay vốn vay) sẽ tạo ra 1,367 đồng doanh thu hay toàn bộ vốn của công ty sẽ quay được 1,367 vòng/năm. Năm 2012 chỉ số này là 1,331 (giảm 2,66%). Chỉ tiêu này làm rõ khả năng tận dụng vốn triệt để vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc chỉ tiêu này giảm thể hiện hiệu suất sử dụng vốn của công ty giảm sút.

Nhận xét: Nhìn vào các số liệu trên ta có thể thấy hiệu suất sử dụng vốn của công ty có phần giảm sút, mà chủ yếu là hiệu quả sử dụng tài sản cố định chưa được tốt. Vì vậy trong thời gian tới công ty cần có những chính sách phù hợp để có thể thể làm tăng doanh thu, từ đó sẽ làm tăng hiệu suất sử dụng vốn của mình.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.2.3.4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

Bảng 10: Nhóm các chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	Tương đối (%)
1. Doanh thu	12.563.135.000	13.497.343.000	934.208.000	7,44
2. Lợi nhuận sau thuế	1.557.093.945	1.597.541.684	40.447.739	2,60
3. Vốn chủ sở hữu	7.461.854.000	7.623.501.000	161.647.000	2,17
4. Tổng tài sản	9.189.766.000	10.142.788.000	953.022.000	10,37
5. ROS (5 = 2/1)	0,124	0,118	(0,006)	(4,50)
6. ROA (6 = 2/4)	0,169	0,158	(0,012)	(7,04)
7. ROE (7 = 2/3)	0,209	0,210	0,001	0,42

Đây là nhóm chỉ tiêu vô cùng quan trọng, nó đánh giá kết quả cuối cùng của cả một năm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nhìn vào các chỉ tiêu này người ta có thể đánh giá được hiệu quả làm ăn của công ty. Từ bảng số liệu ta có thể thấy:

Hệ số doanh lợi (ROS): Hệ số doanh lợi của công ty trong năm 2012 so với năm 2011 đã có sự thay đổi giảm từ 0,124 xuống còn 0,118 (giảm 4,5%). Tuy mức độ giảm và tốc độ giảm là không đáng kể nhưng điều đó cũng thể hiện công ty đã thực hiện không tốt trong vấn đề quản lý chi phí. Tốc độ tăng chi phí cao hơn tốc độ tăng của doanh thu, từ đó làm giảm một phần lợi nhuận của công ty.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Hệ số doanh lợi trên tổng vốn (ROA): Hệ số này đo lường mức độ sinh lời của đồng vốn. Thể hiện một đồng vốn bình quân được sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

Ta có thể thấy ROA của năm 2012 giảm so với năm 2011 (giảm 0,012 ứng với 7,04%), việc giảm này tuy thấp nhưng nó cũng thể hiện hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có chiều hướng đi xuống .

Hệ số doanh lợi trên vốn chủ (ROE): Hệ số này đo lường mức độ sinh lời của vốn chủ sở hữu. Thể hiện một đồng vốn chủ sở hữu được sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

Thông qua số liệu ta thấy hiệu quả của việc sử dụng vốn chủ trong hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2012 so với năm 2011 cũng đã được nâng cao (tăng 0,42%). Năm 2011 chỉ tiêu này chỉ đạt 0,209 nhưng đến năm 2012 thì nó đã tăng lên 0,210. Đây có thể coi là thành tích của công ty trong năm qua.

2.2.4. Phương trình Dupont.

2.2.4.1. Đẳng thức thứ nhất.

$$\begin{aligned}
 \text{ROA} &= \frac{\text{Lợi nhuận ST}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{\text{Lợi nhuận ST}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng tài sản}} \\
 &= \text{ROS} \times \text{Vòng quay tổng tài sản}
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{ROA}_{(2011)} &= \frac{1.557.093.945}{9.189.766.000} = \frac{1.557.093.945}{12.563.135.000} \times \frac{12.563.135.000}{9.189.766.000} \\
 &= 0,169 = 0,124 \times 1,367
 \end{aligned}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

$$\begin{aligned}
 ROA_{(2012)} &= \frac{1.597.541.684}{10.142.788.000} = \frac{1.597.541.684}{13.497.343.000} \times \frac{13.497.343.000}{10.142.788.000} \\
 &= 0,158 = 0,118 \times 1,331
 \end{aligned}$$

Từ đẳng thức trên ta thấy ROA phụ thuộc vào 2 yếu tố:

- Trung bình trong năm 2011 cứ một đồng doanh thu sẽ mang lại cho công ty 0,124 đồng lợi nhuận sau thuế, chỉ số này trong năm 2012 là 0,118.
- Trung bình trong năm 2011 cứ một đồng tài sản sẽ tạo ra 1,367 đồng doanh thu, chỉ số này năm 2012 là 1,331.

Có 2 cách để có thể làm tăng ROA đó là tăng ROS hoặc tăng vòng quay của tổng tài sản:

- Muốn tăng ROS thì ta cần phải phấn đấu làm tăng lợi nhuận sau thuế bằng cách tiết kiệm chi phí và tăng giá bán nếu có thể.
- Muốn tăng vòng quay tổng tài sản thì cần phấn đấu tăng doanh thu bằng cách giảm giá bán và tăng cường các hoạt động xúc tiến bán hàng.

2.2.4.2. Đẳng thức thứ hai.

$$\begin{aligned}
 ROE &= \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH}} = \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn CSH}} = ROA \times \frac{\text{Tổng TS}}{\text{Vốn CSH}} \\
 ROE_{(2011)} &= \frac{1.557.093.945}{7.461.854.000} = \frac{1.557.093.945}{9.189.766.000} \times \frac{9.189.766.000}{7.461.854.000} \\
 &= 0,209 = 0,169 \times 1,232
 \end{aligned}$$

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

$$\begin{aligned} \text{ROE}_{(2012)} &= \frac{1.597.541.684}{7.623.501.000} = \frac{1.597.541.68}{10.142.788.000} \times \frac{10.142.788.000}{7.623.501.000} \\ &= 0,210 = 0,158 \times 1,33 \end{aligned}$$

Phương trình trên thể hiện sự phụ thuộc của tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu vào tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản và hệ số nợ. Sự phân tích các thành phần tạo ROE cho thấy khi tỷ số nợ tăng lên thì ROE cũng sẽ tăng lên cao hơn. Từ đây ta thấy việc sử dụng nợ có tác dụng khuếch đại doanh lợi vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên nếu công ty đang bị lỗ thì việc sử dụng nợ sẽ làm tăng số lỗ.

Có 2 hướng để làm tăng ROE như tăng ROA hoặc tăng tỷ số Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu:

- Để tăng ROA thì ta làm theo đẳng thức Dupont thứ nhất.
- Để tăng tỷ số Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu thì ta cần phân đầu giảm vốn chủ sở hữu và tăng nợ của công ty (nếu công ty có triển vọng kinh doanh tốt và làm ăn có lãi).

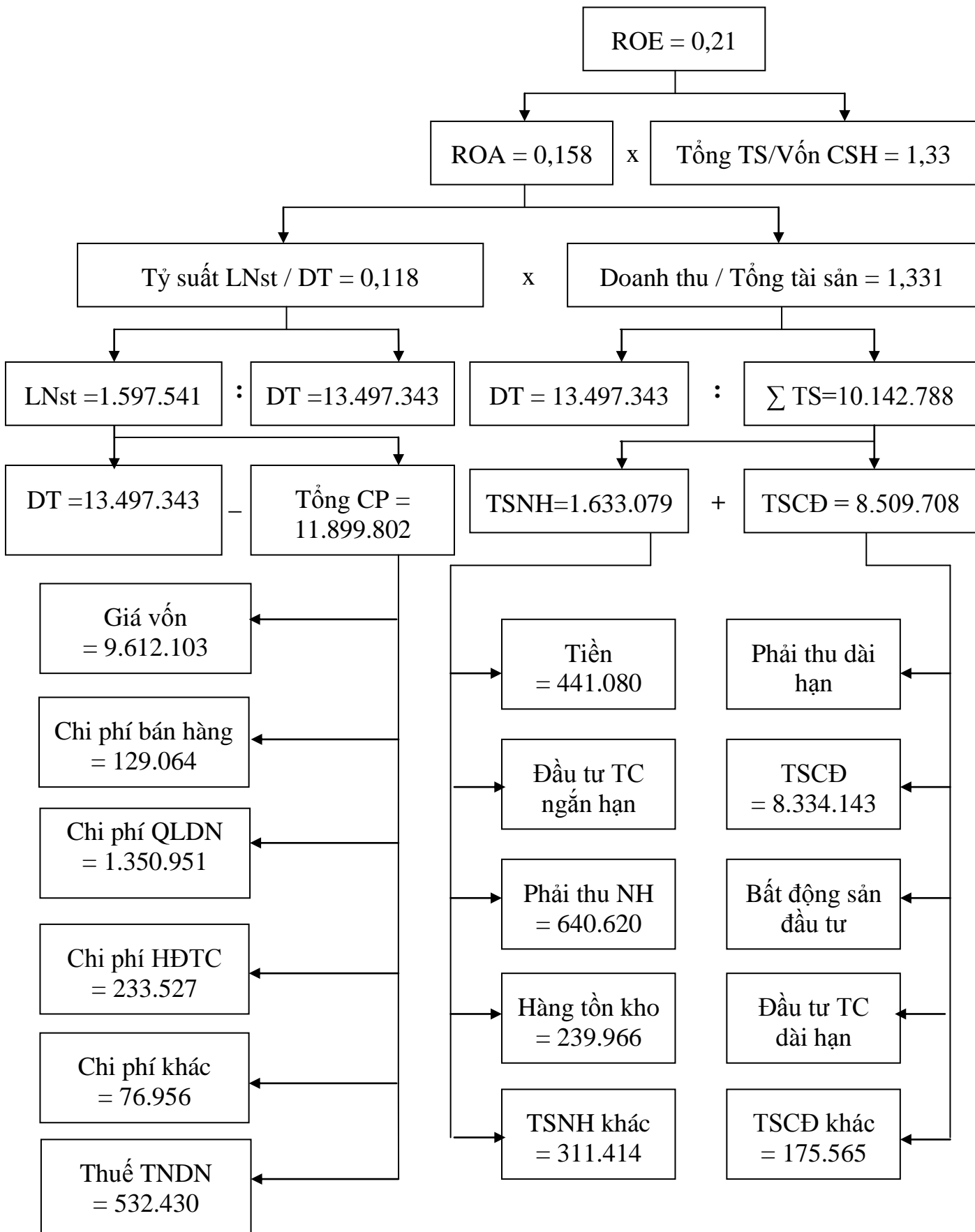
Đẳng thức này đã cho ta thấy tỷ số nợ càng cao thì lợi nhuận của chủ sở hữu càng cao.

2.2.4.3. Phương trình Dupont tổng hợp.

Sơ đồ 2: Sơ đồ phương trình Dupont.

(Đơn vị: nghìn đồng)

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.



Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

2.3. Nhận xét và đánh giá tổng quát về tình hình tài chính công ty.

Bảng 11: tổng hợp các chỉ số tài chính.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2011	2012
Cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
Tỷ trọng tài sản ngắn hạn	%	16,83	16,1
Tỷ trọng tài sản dài hạn	%	83,17	83,9
Tỷ trọng nợ phải trả	%	18,8	24,84
Tỷ trọng vốn chủ sở hữu	%	81,2	75,16
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	5,318	4,026
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	5,121	3,694
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,445	3,151
Khả năng thanh toán lãi vay	Lần	11,141	10,528
Cơ cấu tài chính			
Chỉ số nợ	%	0,188	0,248
Hệ số đảm bảo nợ	%	4,318	3,026
Tỷ suất đầu tư vào TSDH	%	0,832	0,839
Tỷ suất hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	43,839	39,127
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	16,131	17,087
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	1,644	1,586
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,367	1,331
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	0,124	0,118
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA)	%	0,169	0,158
Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,209	0,210

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Qua việc phân tích tài chính của công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung ta rút ra được một số nhận xét sau:

❖ Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn:

Tài sản ngắn hạn của công ty liên tục tăng về giá trị nhưng lại giảm về tỷ trọng trong cơ cấu tài sản. Song song với đó thì tài sản dài hạn liên tục tăng cả về giá trị và tỷ trọng. Nó luôn luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của công ty (năm 2012 nó chiếm 83,9%) nhưng vẫn thấp hơn so với tỷ trọng hợp lý của ngành (từ 90% đến 95%). Chứng tỏ công ty đã có những biện pháp để tiến tới cân bằng cơ cấu tài sản phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

Cơ cấu nguồn vốn của công ty cũng có sự thay đổi rõ nét. Vốn chủ sở hữu tăng về giá trị nhưng lại giảm về tỷ trọng, nhưng vẫn chiếm 75,16% tổng nguồn vốn trong năm 2012. Việc gia tăng tỷ trọng nợ để mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty sẽ làm gia tăng chi phí tài chính của công ty, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, nhưng đồng thời nó cũng làm gia tăng đòn bẩy tài chính cho công ty.

❖ Khả năng thanh toán của công ty có xu hướng giảm, thể hiện năng lực chi trả các khoản nợ vay của công ty đang yếu dần. Tuy nhiên hiện nay khả năng thanh toán của công ty vẫn ở mức cao, vẫn đủ khả năng để chi trả hiện tại. Nhưng công ty vẫn cần phải quan tâm nhiều hơn nữa đến các chỉ tiêu này để có thể đảm bảo tính ổn định cho hoạt động kinh doanh của công ty trong tương lai.

❖ Chỉ số nợ ngày càng cao sẽ đòi hỏi công ty cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc gia tăng lợi nhuận để có thể bù đắp các khoản lãi vay.

❖ Tỷ số về hoạt động của công ty nhìn chung trong năm 2012 có chiều hướng đi xuống : vòng quay tổng tài sản và tài sản cố định đều có xu hướng giảm. Điều đó cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty chưa được tốt.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Trong thời gian tới công ty cần có những biện pháp để có thể nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, đặc biệt là tài sản cố định.

❖ Tỷ suất sinh lợi của công ty cũng có sự thay đổi đáng kể: tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu có xu hướng giảm do sự gia tăng chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí xăng dầu, nó đã ảnh hưởng lớn kết quả kinh doanh của công ty. Nhưng bên cạnh đó thì tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu lại có xu hướng tăng trong năm 2012. Thể hiện hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn của công ty ngày càng được nâng cao.

Chương III: Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty CPTM Hiếu Trung.

3.1. Mục tiêu phát triển công ty trong thời gian tới.

Năm 2013, tiếp tục thực hiện lộ trình hội nhập, nền kinh tế nước ta phải mở cửa hơn nữa, các chính sách kinh tế cần phải có những điều chỉnh phù hợp. Điều này sẽ dẫn đến việc cạnh tranh về giá thành sản phẩm, hàng hóa buộc các nhà sản xuất phải cố gắng giảm chi phí sản xuất, trong đó có các chi phí dịch vụ liên quan. Cùng với đó các đối tượng tham gia kinh doanh sẽ tăng nhiều về số lượng và các thành phần kinh tế, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ, tất yếu việc cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt và khốc liệt. Các doanh nghiệp muốn tồn tại, ổn định và phát triển được thì phải chấp nhận cạnh tranh, chấp nhận giảm thị phần, giảm giá cước dịch vụ. Trong khi đó các yếu tố chi phí đầu vào cho sản xuất kinh doanh đều tăng, đặc biệt là chi phí nhiên liệu (tính từ tháng 12 năm 2011 đến tháng 12 năm 2012 thì giá nhiên liệu đã tăng lên 7,7%). Việc tăng giá nhiên liệu còn kéo theo tất cả các chi phí khác tăng theo như chi phí vật tư, phụ tùng, tiền lương... Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của công ty. Trên cơ sở đánh giá trên, khả năng điều chỉnh giá dịch vụ từ các khách hàng với cơ cấu nguồn doanh thu được thực hiện trong năm 2012 thì công ty cũng đã đặt ra các chỉ tiêu cho mình trong năm 2013 như sau:

- Doanh thu 14,7 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2012.
- Lợi nhuận đạt 1,7 tỷ đồng, tăng khoảng 6,9% so với năm 2012.
- Nộp cho ngân sách nhà nước khoảng 750 triệu đồng.

3.2. Một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

3.2.1. Giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý.

3.2.1.1. Cơ sở của biện pháp.

Chi phí kinh doanh là những khoản chi phí đã tiêu hao trong kỳ để tạo ra kết quả hữu ích cho công ty. Vấn đề quan trọng trong quản lý chi phí nằm ở việc đặt ra các chỉ tiêu cắt giảm chi phí và tăng trưởng. Đó chính là thách thức làm thế nào để tiết kiệm chi phí theo những phương thức hợp lý nhất mà không làm mất đi các năng lực thiết yếu hay giảm thiểu tính cạnh tranh của công ty. Và vấn đề giải quyết bài toán giảm chi phí mấu chốt là phải biết được các loại chi phí, tỷ trọng của chúng chiếm trong tổng chi phí, để từ đó có thể tối thiểu hóa các chi phí mà hiệu quả sản xuất kinh doanh vẫn đạt kết quả cao.

Tiết kiệm chi phí để hạ giá thành sản phẩm là một trong những biện pháp nâng cao lợi nhuận cho công ty. Do đó công tác quản lý chi phí trong doanh nghiệp là hết sức quan trọng, và nếu làm tốt công tác này thì hiệu quả mà nó mang lại là rất cao, doanh nghiệp vẫn hoạt động hiệu quả với chi phí thấp nhất.

Kiểm soát chi phí là hoạt động thiết yếu cho bất kỳ doanh nghiệp nào, nếu hiểu được các loại chi phí và các nhân tố ảnh hưởng tới chi phí thì chúng ta sẽ kiểm soát được chi phí, và điều đó sẽ làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Với việc cắt giảm chi phí sẽ làm tăng tỷ suất lợi nhuận so với tổng chi phí. Do đó việc sử dụng chi phí hợp lý và kiểm soát được các khoản mục chi phí là một trong những biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp:

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Bảng 12: Bảng tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

(Đơn vị: nghìn đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		So sánh	
		Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
	Tổng chi phí QLDN	986.579	100	1.350.951	100	364.372	36,93
1	Chi phí lương và BHXH	306.644	31,08	359.312	26,60	52.668	17,18
2	Chi phí giao dịch	158.343	16,05	250.076	18,51	91.733	57,93
3	Chi phí thuê văn phòng	48.000	4,87	48.000	3,55	0	0,00
4	Chi phí điện thoại, Internet, điện, nước	145.471	14,74	216.810	16,05	71.339	49,04
5	Chi phí đồ dùng văn phòng	155.014	15,71	233.812	17,31	78.798	50,80
6	Khấu hao	45.382	4,60	57.619	4,27	12.237	26,96
7	Thuế, phí, lệ phí	60.658	6,15	92.510	6,85	31.852	53
8	Chi phí khác	67.067	6,80	92.812	6,87	25.745	38

(Nguồn: Phòng kế toán – tài chính)

Từ số liệu phân tích ở phần 2 ta có thể thấy chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2011 là 986.579.000 đồng (chiếm 7,85% trong doanh thu), năm 2012 con số này là 1.350.951.000 đồng (chiếm 10,01% trong doanh thu), tăng hơn so với năm 2011 là 36,93%. Như vậy ta có thể thấy chi phí của công ty trong năm 2012 có xu hướng tăng mạnh lên cả về quy mô và tỷ trọng trong doanh thu (tốc độ tăng của chi phí quản lý 4,96 lần với tốc độ tăng của doanh thu và gấp 14,31 lần so với tốc độ tăng của lợi nhuận), nó sẽ làm giảm lợi nhuận của công ty. Việc này là do sự tăng lên của các chi phí đầu vào cụ thể:

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Chi phí tiền lương và BHXH cho nhân viên văn phòng năm 2012 tăng thêm 52.668.000 đồng (tăng 17,18%) do công ty trong năm 2012 có tuyển thêm một số vị trí trong nhân sự, ngoài ra cũng do công ty điều chỉnh lại mức lương của cán bộ công nhân viên để phù hợp với tình hình kinh tế và chính sách về lương của nhà nước.

Chi phí giao dịch: bao gồm các chi phí đi lại, chi phí liên hệ với khách hàng và đối tác, chi phí ký kết hợp đồng, chi phí đối ngoại, tiếp khách, công tác của nhân viên... Các chi phí này trong năm 2012 tăng thêm 91.733.000 đồng tương ứng 57,93%. Do công ty quản lý không chặt các chi phí này vì vậy đã dẫn đến tình trạng lãng phí tiền và làm tăng chi phí quản lý

Chi phí thuê văn phòng của công ty trong năm qua không có sự thay đổi do giá thuê văn phòng vẫn được giữ ổn định.

Khấu hao cho các thiết bị dùng trong văn phòng như máy tính, máy in, điều hòa, bàn ghế... tăng thêm 12.237.000 đồng, ứng với 26,96% do trong năm vừa qua công ty có sửa chữa và mua sắm thêm một số thiết bị văn phòng cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra các trong năm 2012 thì các chi phí về điện, nước, điện thoại, Internet cũng năng mạnh (trên 49%). Các chi phí đồ dùng văn phòng cũng tăng đến 50,8% và chi phí khác tăng 38%.

3.2.1.2. Nội dung của biện pháp.

Các chi phí giao dịch tăng lên khiến công ty phải quan tâm. Do công ty không quản lý chặt các chi phí này trong quá trình nhân viên đi công tác, các hoạt động tiếp khách... nên dẫn đến tình trạng lãng phí tiền và làm tăng chi phí quản lý. Do vậy, công ty cần có những biện pháp để tiết kiệm chi phí này mà công việc kinh doanh của công ty vẫn hiệu quả:

- Nâng cao ý thức tiết kiệm cho nhân viên khi thực hiện các công việc mang tính lợi ích cho công ty.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

- Xác định đủ số tiền cần thiết cho các cuộc giao dịch, tránh tình trạng chi thừa.
- Thực hiện các chi phí giao dịch cần phải thực hiện đúng theo hợp đồng
- Đối với các khoản tiền dành cho các công tác tiếp khách, giao dịch hội họp, công tác phí. Công ty cần xây dựng chỉ tiêu cụ thể cho từng thời kỳ. Các chi phí phải có chứng từ hợp lệ, phải gắn kết với các kết quả kinh doanh và phải được khống chế theo tỷ lệ tính trên tổng chi phí.

Ta có thể thấy một thực trạng là nhân viên sử dụng điện thoại của công ty vào việc riêng rất nhiều. Vậy nên để giảm cước điện thoại bao gồm các cước thuê bao cố định và di động công ty cần phải khoán mức sử dụng cho từng các bộ phận, phòng ban và đến từng nhân viên đang giữ chức vụ theo chức năng công việc cụ thể trong từng phòng để sử dụng. Từ đó có thể giảm thiểu việc nhân viên sử dụng điện thoại công ty cho các công việc riêng.

Công ty cũng cần phải quản lý chặt việc sử dụng Internet, điện nước, tránh tình trạng nhân viên sử dụng một cách lãng phí điện nước và sử dụng Internet vào việc riêng, đặc biệt là trong giờ làm việc, làm giảm hiệu quả công việc.

Ngoài ra các chi phí chi cho đồ dùng văn phòng của công ty cũng tăng mạnh, một phần là do nhu cầu sử dụng tăng lên nhưng một phần cũng là do ý thức của nhân viên trong quá trình làm việc gây ra tình trạng lãng phí. Vì vậy công ty cần có những biện pháp gắn kết lợi ích của nhân viên với lợi ích của công ty từ đó sẽ nâng cao ý thức của nhân viên.

3.2.1.3. Đánh giá kết quả.

Sau khi thực hiện tốt các biện pháp quản lý các mục chi phí thì kết quả mà nó mang lại sẽ khả quan hơn, dự kiến doanh thu của công ty vẫn sẽ được giữ nguyên, trong khi đó:

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Chi phí giao dịch giảm 10% tương ứng với khoảng 25.076.000 đồng.

Chi phí điện thoại, Internet, điện, nước giảm 15% tương ứng với 32.521.000 đồng.

Chi phí đồ dùng văn phòng và chi phí khác giảm 8% tương ứng với 26.129.000 đồng.

Bảng 13: Bảng kết quả dự kiến của giải pháp tiết kiệm chi phí quản lý.

(Đơn vị tính: nghìn đồng)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Trước biện pháp	Sau biện pháp	Chênh lệch	
					Tuyệt đối	Tương đối
1	Doanh thu	nghìn đ	13.497.343	13.497.343	0	0
2	Tổng chi phí	nghìn đ	11.367.620	11.283.894	(83.726)	(0,73)
3	LN trước thuế	nghìn đ	2.129.722	2.213.448	83.726	3,93
4	LN sau thuế	nghìn đ	1.597.291	1.660.086	62.795	3,93
5	Tổng tài sản	nghìn đ	9.189.766	10.142.788	0	0
6	Vốn chủ sở hữu	nghìn đ	7.461.854	7.623.501	0	0
7	ROS = (4)/(1)	%	11,8	12,3	0,5	4,23
8	ROA = (4)/(5)	%	15,8	16,37	0,57	3,61
9	ROE = (4)/(6)	%	21	21,78	0,78	3,71

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Thông qua bảng số liệu ta có thể thấy do doanh thu không đổi, trong khi đó tổng chi phí giảm 0,73% đã làm cho lợi nhuận của công ty tăng 3,93%, điều đó làm tăng thêm hiệu quả hoạt động cho công ty. Do lợi nhuận của công ty tăng kéo theo đó là các tỷ suất lợi nhuận cũng tăng theo, cụ thể: ROS từ 11,8% tăng lên 12,3%, ROA từ 15,8 tăng lên 16,37%, ROE từ 21 tăng lên 21,78%. Việc tăng này có ý nghĩa hết sức to lớn, vì nó thể hiện hiệu quả sử dụng nguồn lực của công ty.

3.2.2. Biện pháp nâng cao doanh thu.

3.2.2.1. Cơ sở của biện pháp.

Việc tăng doanh thu và lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu của mọi doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Và việc tăng doanh thu này còn có ý nghĩa hơn khi doanh thu và lợi nhuận tăng lên mà vốn lưu động không đổi, vì như vậy sẽ tiết kiệm được lượng vốn lưu động nhất định, góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thông qua việc phân tích tình hình tài chính của công ty ở chương 2 ta có thể thấy doanh thu của công ty năm 2012 đạt 13.497.343.000đ tăng 7,44% so với năm 2011. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành vận tải (đối với vận tải hàng hóa) trong năm 2012 là 9,2% (theo tổng cục thống kê).

Ngoài ra, theo phân tích ta có thể thấy hiệu suất sử dụng vốn lưu động của công ty năm 2012 tăng nhẹ (tăng 1,77%), nhưng hiệu suất sử dụng vốn cố định lại giảm đến 3,51%. Từ đó làm cho hiệu suất sử dụng toàn bộ vốn của công ty chỉ còn 1,33 (giảm 2,66%). Vì vậy công ty cần phải có những biện pháp để có thể nâng cao doanh thu trong thời gian tới.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Bảng 14: Bảng tổng hợp doanh thu.

(Đơn vị tính: Nghìn đồng)

Diễn giải	Năm 2011		Năm 2012		So sánh	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
Doanh thu	12.563.135	100	13.497.343	100	934.208	7,44
1. Hoạt động vận tải	12.160.738	96,80	13.068.213	96,82	907.475	7,46
1.1. Vùng ĐBS Hồng	7.393.255	58,85	8.449.221	62,60	1.055.966	14,28
1.2. Vùng Đông Bắc	1.603.168	12,76	1.651.687	12,24	48.519	3,03
1.3. Vùng Tây Bắc	918.812	7,31	892.357	6,61	(26.455)	(2,88)
1.4. Vùng Bắc Trung Bộ	2.245.503	17,87	2.074.948	15,37	(170.555)	(7,60)
2. Môi giới vận tải	402.397	3,20	429.130	3,18	26.733	6,64

(Phòng kế toán – tài chính)

Từ bảng số liệu trên ta có thể thấy doanh thu của công ty chủ yếu là do lĩnh vực vận tải hàng hóa mang lại. Điều đó cho thấy công ty đang không ngừng mở rộng quy mô hoạt động , ngày càng tập chung vào lĩnh vực kinh doanh chính đó là vận tải nội địa.

Năm 2012 doanh thu vận tải của công ty đã tăng 907.475.000 đồng, ứng với 7,46%, trong đó: doanh thu vận tải ở vùng đồng bằng sông Hồng là tăng phần lớn (tăng thêm 1.055.966 .000 đồng với tốc độ tăng 14,28%) và chiếm 62,6% trong tổng doanh thu của công ty, trong khi đó doanh thu của vùng Đông Bắc bộ chỉ tăng thêm 48.519.000 đồng ứng với 3,03%. Mặc khác thì

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

hoạt động của công ty ở hai vùng Tây bắc Bộ và Bắc Trung Bộ lại có phần giảm sút so với năm 2011. Như vậy ta có thể thấy công ty mới chỉ tập trung khai thác ở khu vực Đồng bằng sông Hồng. Tuy vùng Đông Bắc và Bắc Trung Bộ doanh thu cũng chiếm từ 12% đến 15% trong tổng doanh thu là do giá trị hợp đồng vận chuyển đi đến các khu vực này cao, còn trên thực tế số lượng luân chuyển còn ở mức thấp.

Tuy tỷ trọng doanh thu về lĩnh vực môi giới vận tải của công ty trong năm 2012 chỉ giảm nhẹ nhưng về mặt giá trị thì lại có xu hướng tăng lên. Điều đó chứng tỏ công ty vẫn chưa đủ khả năng đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng mà phải liên kết với các doanh nghiệp khác cùng ngành khi có nhu cầu tăng đột biến.

3.2.2.2. Nội dung của biện pháp.

Công ty không những phải tập trung khai thác thị trường hiện có mà còn phải mở rộng thị trường hoạt động, gia tăng tốc độ bán hàng và cung cấp dịch vụ để có thể tăng doanh thu và lợi nhuận cho mình. Để có thể đẩy nhanh tốc độ bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty có thể thực hiện một số biện pháp như:

Tìm các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ mà công ty cung cấp. Để thực hiện điều này, công ty cần đầu tư thêm trang máy móc thiết bị, đặc biệt là gia tăng quy mô đội xe, đồng thời có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ để có thể kịp thời đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường.

Để có thể mở rộng thị trường hoạt động công ty không những phải đầu tư thêm máy móc thiết bị mà còn phải đẩy mạnh hoạt động bán hàng, không ngừng quảng bá hình ảnh và tên tuổi, chủ động thường xuyên tiếp xúc với khách hàng trên nhiều phương diện như lập trang Web riêng cho công ty để khách hàng có thể dễ dàng tìm hiểu công ty và tìm đến với công ty một cách dễ dàng, chủ động liên hệ với khách hàng.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Khuyến khích các nhân viên tìm kiếm các hợp đồng và các khách hàng mới bằng cách gắn kết lợi ích của công ty với lợi ích của nhân viên: cho nhân viên tham gia góp vốn vào công ty từ đó việc gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty cũng chính là làm gia tăng thu nhập của bản thân họ; có chính sách khen thưởng khi tìm được các khách hàng, các hợp đồng mới công ty có thể trích thưởng 1% giá trị của hợp đồng đó.

Có các chính sách khuyến mãi cho các khách hàng truyền thống. Như giảm phần trăm giá cước trong các ngày lễ (thay vì tăng thêm 80% thì công ty chỉ tăng thêm 65% giá cước) hay giảm giá cước tính thêm nếu chiều về có hàng (nếu chiều về có hàng thì tiền cước tính thêm chỉ còn 35% chiều đi thay vì là 40% như thường lệ).

Ký kết các hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải trong dài hạn cho khách hàng tiềm năng với giá cước ưu đãi nhằm lôi kéo và tạo dựng cho công ty các khách hàng truyền thống. Với giá cước ưu đãi sẽ đảm bảo họ luôn sử dụng dịch vụ của công ty, và ngược lại công ty cũng sẽ cam kết luôn luôn đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng với chất lượng tốt nhất. Việc đưa ra các mức giá ưu đãi này ngoài việc phải tính toán dựa trên các chi phí thông thường thì còn phụ thuộc vào một số các yếu tố khác như tuyến đường vận chuyển, loại hàng hóa, số lượng hàng hóa...

Tích cực tạo dựng và thúc đẩy mối quan hệ hợp tác làm ăn lâu dài với với các công ty môi giới vận tải. Nhằm đa dạng hóa nguồn khách hàng đến với công ty. Ký kết các thỏa thuận hợp tác, cụ thể: khi các trung tâm giới thiệu các đơn hàng đến với công ty đối với các đơn hàng chạy trong phạm vi vùng Đồng bằng sông Hồng, các hợp đồng có giá trị dưới 10.000.000 đồng có thể hưởng hoa hồng 3% giá trị hợp đồng, nhưng với các hợp đồng vận chuyển đi các Vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ, các hợp đồng có giá trị trên 10.000.000 đồng công ty có thể chiết khấu hoa hồng 5%. Việc hợp tác này không những mang lại giá trị lợi nhuận hiện tại cho công ty mà còn giúp cho công ty có thể

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

mở rộng thị trường, mang lại cho công ty những khách hàng tiềm năng trong tương lai.

Xây dựng chiến lược giá cước hợp lý: thường xuyên cập nhập, phân tích biến động giá cả thị trường để có thể đánh giá tổng hợp chi phí một cách chính xác. Từ đó công ty có thể đưa ra được các mức giá hợp lý, có sức cạnh tranh đồng thời vẫn mang lại lợi nhuận cho công ty.

3.2.2.3. Đánh giá kết quả.

Sau khi thực hiện biện pháp nâng cao doanh thu ta có dự kiến doanh thu của công ty sẽ tăng thêm khoảng 800 triệu đồng ứng với 6% so với khi chưa thực hiện biện pháp.

Doanh thu dự kiến = $13.497.343.000 \times (1 + 6\%) = 14.307.184.000$ đồng.

Việc tăng doanh thu cũng làm chi phí của công ty tăng theo (giả sử với ROS không đổi) nhưng lợi nhuận của công ty cũng sẽ được cải thiện.

Phân tích tài chính và một số biện pháp cải thiện tình hình tài chính tại công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung.

Bảng 15: Bảng kết quả dự tính của biện pháp tăng doanh thu.

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chi tiêu	Trước biện pháp	Sau biện pháp	Chênh lệch	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	Doanh thu	13.497.343.000	14.307.184.000	809.841.000	6
2	LN sau thuế	1.597.541.684	1.688.247.712	90.706.028	5,68
3	Vòng quay khoản phải thu	21,069	22,333	1,264	6
4	Kỳ thu tiền bình quân	17,087	16,119	(0,967)	(5,66)
5	Vòng quay tiền	30,601	32,437	1,836	6
6	Vòng quay vốn lưu động	8,265	8,761	0,496	6
7	Hiệu suất sử dụng vốn cố định	1,586	1,681	0,095	6
8	Vòng quay toàn bộ vốn	1,331	1,411	0,08	6

Như vậy, nhờ thực hiện biện pháp trên doanh thu của công ty có thể tăng lên 6%, lợi nhuận sau thuế cũng tăng lên 5,68%.

Vòng quay khoản phải thu của công ty tăng từ 21 vòng 1 năm lên hơn 22 vòng 1 năm làm cho kỳ thu tiền cũng giảm xuống còn 16 ngày.

Việc tăng doanh thu trong khi tài sản và nguồn vốn của công ty không thay đổi cũng đã làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản của công ty tăng lên 6% so với trước khi thực hiện biện pháp.

KẾT LUẬN

Đất nước ta đang dần bước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, từng bước đi lên theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Để làm được điều này thì các doanh nghiệp trong nền kinh tế đóng vai trò rất quan trọng. cùng với xu hướng phát triển đó của đất nước thì công ty cổ phần thương mại Hiếu Trung cũng đang không ngừng nỗ lực phấn đấu hòa mình cùng xu hướng phát triển của thời đại, khắc phục các khó khăn đề nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong những năm qua công ty đã đạt được nhiều thành công, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường, tên tuổi của công ty ngày càng được khách hàng biết đến như là một địa chỉ tin cậy. Từ đó mà doanh thu và lợi nhuận của công ty có xu hướng gia tăng hàng năm. Tuy nhiên bên cạnh các thành công đạt được thì công ty vẫn còn một số hạn chế như cơ cấu vốn chưa cân đối, hiệu quả sử dụng tài sản cũng như nguồn vốn chưa cao, hay hiệu quả tiết kiệm chi phí còn thấp... điều đó làm cho tốc độ phát triển của công ty còn thấp.

Theo ý kiến của mình, em đã nêu ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính của công ty. Tuy nhiên do thời gian thực tập chưa được nhiều cùng với trình độ bản thân còn nhiều hạn chế nên còn có những sai sót không thể tránh khỏi. vì vậy, em mong rằng sẽ nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô giáo và các bạn đề bài viết có thể được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình tài chính doanh nghiệp – Học Viện Tài Chính – 2008.
2. Quản trị doanh nghiệp – Đoàn Thị Thanh Phương.
3. Lý thuyết tài chính tiền tệ - Đại học Kinh Tế Quốc Dân.
4. Phân tích hoạt động kinh doanh – NXB Thống Kê.
5. Một số khóa luận của các khóa X, XI, XII trường ĐHDL Hải Phòng.